

# BÌNH ĐỊNH, XỨ SỞ VÀ CON NGƯỜI

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

**Lời Dẫn Nhập:** Bài “*Bình Định, Xứ Sở Và Con Người*” dài 45 trang đánh máy (tính cả Lời Dẫn nhập và phần Mục lục). Đây là bài viết rút gọn, rất gọn, từ hai Tác phẩm chuyên đề viết về Bình Định, của chúng tôi, đó là: *Sắc Hương Quê Nhà* dài 500 trang sách (2019) và *Giai Diệu Hồn Quê* dài 494 (2021) trang sách, tổng cộng 994 trang. Chỉ cần đọc “*Bình Định, Xứ Sở Và Con Người*” là có cái nhìn tổng quan về tỉnh Bình Định, vừa bao quát vừa cô đọng từ hai tác phẩm này.

Xin thưa, tâm nguyện viết cho Quê Hương, chúng tôi đã mơ ước từ lúc còn đang theo học ở Huế 1960, qua bài *Quê Tôi*, đã gửi gắm trong đoạn cuối:

*Tôi lớn lên trong vườn khoai ruộng thóc,  
Đọt rau bùi, trái chín ngọt tình thương...  
Nhờ hai buổi trường làng, tôi biết đọc,  
Luyện tay mềm, tôi viết chữ “Quê Hương.”*

\*\*\*

*Tôi nhớ mãi con mương làng câu cá,  
Những đêm mưa đơm dệp ở sau nhà,  
Mùa keo chín tu hú về rộ lấm,  
Đất viên tròn làm đạn bắn chim sa...*

\*\*\*

*Quê thương quá! Không bao giờ quên được,  
Khắc vào hồn, ngàn nét nhớ thân yêu.  
Ghế học trò, không dám nói ra nhiều,  
Nhưng đã thoáng ước mơ lời hứa hẹn.*

Nội Thành Huế, ngày 3- 1- 1960.

VIỆT THAO

Tỉnh Bình Định, Quê tôi, thuộc vùng duyên hải miền Nam Trung Việt, có tọa độ địa lý từ 13°30' - 14°42' vĩ độ Bắc và 108°35' - 109°18' kinh độ Đông; nằm giữa và tương đối cách đều hai đầu của nước ta, có Quốc lộ 1 chạy dọc theo bờ biển và tuyến đường sắt xuyên Việt, như khúc xương sống nối liền hai miền Nam Bắc. Ngoài ra còn có Quốc lộ 19, từ Hải cảng Qui Nhơn nối với Tây Nguyên thông qua đèo An Khê.

## I - ĐỊA LÝ THIÊN NHIÊN

### 01 - Thế đất và núi non:

Ở Bình Định có thế đất dốc đứng, thấp dần từ Tây sang Đông và chia làm ba miền rõ rệt:

**1.a/** Vùng núi ở phía Tây là dãy rìa Trường Sơn, núi cao trung bình từ 500 - 700 mét, độ dốc trên 25°, chiếm 70% diện tích trong tỉnh, gồm các huyện An Lão, Hoài Ân (phía Bắc) Vĩnh Thạnh, Tây Sơn (phía Tây) và Vân Canh (phía Nam) có các núi cao như Hòn Ông, Hòn Bà (cao 1122 mét), Hòn Am. Nói đến độ cao của Hòn Ông, ca dao Bình Định có câu, Quách Tấn phổ biến:

*Hòn Ông đứng trước hòn Bà,  
Chông cao vợ thấp đôi đũa xứng đôi.*

**1.b/** Vùng trung du ở giữa, là một dải đất chạy dài theo hướng Bắc Nam, chiếm 10% diện tích, độ cao trung bình gần 100 mét, độ dốc từ 15° trụt dần còn 10°. Miền này có nhiều núi thấp xen kẽ theo đường Đông Tây tạo thành những thung lũng hẹp. Nối tiếp các núi cao ở Vân Canh, phía Tây huyện An Nhơn có hai nhánh núi song song đó là hòn Thủ Đường cao 581 mét và hòn An Tượng cao trên 500 mét. Gọi là An Tượng vì dáng núi giống như con voi nằm đầu hướng về Đông; cũng gọi là nguồn An Tượng vì nơi đây phát nguyên nhiều sông suối chảy vào sông Côn.

**1.c/** Sau cùng là miền duyên hải ở phía Đông, chiếm 20% diện tích, gồm những cánh đồng màu mỡ đan xen với đồi trọc, như râu chuỗi ngọc viền biển Đông.

Tóm lại, hệ thống núi non tỉnh nhà, phát xuất từ mạch núi của dãy Trường Sơn, chia làm 5 nhánh, lần lượt từ Bắc xuống Nam, gồm có dãy Thạch Tấn, dãy An Lão, Dãy Kim Sơn, dãy Vĩnh Thạnh, dãy Tây Sơn, dãy Nam Sơn.



H 1: Núi đá Phương Mai ở xã Nhơn Hải, Quy Nhơn, điểm chấm dứt dãy Vĩnh Thạnh. (Ảnh: cuongde.org)

## 02 - SÔNG NGÒI

Bình Định có 4 con sông lớn, phối trí cân đối, phía Bắc có sông Lại, giữa tỉnh có sông Phù Ly, phía Nam là sông Côn, ngoài ra còn có sông Hà Thanh ở tận cùng phía Nam.

### 2.a/ Sông La Tinh:

Còn gọi là sông Phù Ly, tên chữ là La Tinh Giang (羅晶江), phát nguyên từ núi Hội Sơn và núi Thuận Phong ở huyện Phù cát, chảy về Đông, làm ranh giới giữa hai huyện Phù Mỹ và Phù Cát, rồi đổ vào đầm Nước Ngọt tại xã Mỹ Chánh (huyện Phù Mỹ) và thoát ra biển qua cửa Đền Gi thuộc xã Cát Khánh (huyện Phù Cát).



H 2: Vùng hạ lưu sông La Tinh.  
(Trích Bản Đồ Hành Chánh tỉnh Bình Định, 2001)

### 2.b/ Lại Giang:

Con sông lớn hàng thứ hai, tên chữ Lại Dương Giang (賴陽江), gọi tắt là sông Lại. Phát nguyên từ huyện An Lão và núi Kim Sơn (huyện Hoài Ân), tạo thành hai nhánh sông cân đối hình chữ V, gặp nhau ở cuối thôn Phú Văn (xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân) rồi chảy hơi xiên về hướng Đông Bắc, đổ ra biển Đông

qua cửa An Giũ, còn gọi là cửa Bầu Tượng (thuộc phường Hoài Hương, thị xã Hoài Nhơn).



H 3: Guồng xe nước trên sông Lại Dương.  
(Nhiếp ảnh gia Trùng Dương chụp trước năm 1975)

### 3.c/ Sông Côn:

Tên chữ là Côn Giang (崑江), phát nguyên từ vùng núi biên giới của ba tỉnh: Quảng Ngãi, Bình Định và Kontum. Đoạn từ nguồn đến thôn Định Quang (thuộc xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Thạnh) gọi là suối Kron và chảy theo hướng Bắc Nam. Đoạn từ Định Quang đến thôn Thượng Giang (thuộc xã Tây Giang, huyện Bình Khê) gọi là sông Hà Giao, chảy về hướng Nam Đông Nam. Từ thôn Hữu Giang và Tả Giang (nằm hai bên bờ sông, thuộc xã Tây Giang) ra đến biển mới chính thức là sông Côn và chảy theo chiều Tây Đông; đến địa đầu thị trấn Phú Phong thì có phụ lưu quan trọng là sông Đá Hàng (còn gọi là sông Hãm Hồ hay sông Đồng Hưu) nhập vào. Qua khỏi An Thái (thuộc xã Nhơn Khánh, huyện An Nhơn), sông Côn chia làm hai nhánh, dòng chảy về hướng Đông Bắc gọi là Bắc Phái, chảy ra huyện Phù Cát qua các xã Cát Nhơn, Cát Thắng, Cát Chánh rồi đổ xuống đầm Thị Nại. Dòng kia, xuôi về Đông Nam, qua khỏi thôn Phụ Ngọc (xã Nhơn Khánh, thị xã An Nhơn) thì phân làm đôi, thêm nhánh Trung Phái mất hút trong cánh đồng màu mỡ của xã Nhơn Khánh, phường Nhơn Hưng (thị xã An Nhơn) và xã Phước Hưng (huyện Tuy Phước). Còn nhánh Nam Phái vẫn theo hướng Đông chảy qua thị xã An Nhơn và huyện Tuy Phước, đoạn cuối vào thị tứ Gò Bồi (xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước) rồi đổ ra đầm Thị Nại. Cùng chung một vùng đất, cùng xuôi về Đông chảy ra biển, nhưng hai con sông lớn của tỉnh nhà, đặc tính trái ngược nhau, ca dao cũng ghi lại:

*Nước Lại Giang mênh mang mùa nắng,  
Dòng sông Côn lai lảng mùa mưa.*



H 4: Sông Côn mùa cạn, đoạn An Vinh, An Thái.  
(Ảnh: Trần Quang Kim, cuongde.org)

## 2.d/ Sông Hà Thanh:

Hà Thanh Giang (河清江), còn gọi là sông Vân Sơn (雲山), tuy không được coi là con sông tiêu biểu cho huyện Tuy Viễn trong giai đoạn lịch sử thành lập phủ Hoài Nhơn (1471), nhưng trên thực tế sông Hà Thanh lớn hàng thứ ba trong tỉnh Bình Định, có chiều dài 58 km, hơn sông La Tinh 4 km.

Sông Hà Thanh phát nguyên từ vùng núi phía Tây Nam huyện Vân Canh, ở độ cao trung bình 500 mét so với mực nước biển.

Nhờ tiếp nhận nước nhiều sông, suối từ xã Phước Mỹ [1] và Phước Thành, dòng sông Hà Thanh mạnh lên, quẹo mình về hướng Đông Bắc vào xã Phước An (Tuy Phước). Khi đến thôn Vân Hội (thị trấn Diêu Trì, Tuy Phước), sông Hà Thanh chia làm 3 nhánh:

- Nhánh Bắc, gọi là Sông Tọc chảy vào thị trấn Tuy Phước, thông qua cầu Trường Úc, rồi xuôi về Đông qua các thôn Quỳnh Mai (Phước Nghĩa), Quảng Vân, Bình Thái (Phước Thuận) và đổ ra đầm Thị Nại.

- Nhánh Đông Bắc, gọi là Sông Ngang chảy dọc theo ranh giới thôn Luật Lễ (thị trấn Diêu Trì) và phường Nhơn Phú (Qui Nhơn), rồi vào Nhơn Bình, cũng đổ ra đầm Thị Nại qua ngả Bình Thái.

- Nhánh Đông Đông Nam, chảy qua địa phận phường Nhơn Phú, vào hồ Phú Hòa (Nhơn Phú), rồi thoát ra đầm Thị Nại qua ngả Cầu Đồi.



H 5: Sông Hà Thanh, đoạn chảy qua Cầu Đôi, Qui Nhon.  
(Ảnh: Trùng Dương chụp trước năm 1975)

### 03 - Bờ biển và hải đảo:

Phía Đông tỉnh Bình Định có bờ biển dài 134 km, nếu tính cả hệ số quanh co là 148 km, chạy dọc suốt từ Bắc xuống Nam và có nhiều hải đảo.

**3.a/** Tại huyện Phù Mỹ có núi Kỳ Lân, bên cạnh là núi Mũi Rồng (Point de Dragon), cả hai nhô ra sát biển. Cách Mũi Rồng chừng 1 km về phía Đông, có hai đảo nhỏ là Hòn Quy và Hòn Phụng. Trên bản đồ tỉnh Bình Định thời Pháp thuộc, cũng ghi tên hai hòn đảo này là “Ile de Tortue” và “Ile de Phénix.” Một thế đất có đủ Long, Lân, Quy, Phụng, ứng vào tứ linh. Các nhà phong thủy cho là địa linh, ca dao cũng truyền tụng:

*Ngó ra đá dựng ai trông,  
Gò Sơn ai tạc, Mũi Rồng ai xây.  
Hòn Quy, Hòn Phụng là đây,  
Tứ linh còn đó chốn này ai đâu?*

**3.b/** Vùng biển Qui Nhon, gần mũi Long Hải (xã Nhon Lý) có hòn Ông Cò, cụm đảo Hòn Cân (3 đảo), Hòn Sẹo. Ở xã Nhon Hải có Hòn Khô và 1 đảo nhỏ. Phường Ghềnh Ráng có đảo Hòn Ngang, Hòn Đất, Hòn Ró. Cách Qui Nhon 17 km về hướng Đông Nam, có Cù lao Xanh (rộng 365 ha) và một đảo phụ, nay là xã Nhon Châu (thuộc Qui Nhon), dân số 2300 người.

### 04 - Giá trị phong thủy:

#### 4.a/ Phong thủy tổng thể:

Nhìn chung cuộc đất Bình Định ở thế lưỡng cực cân đối, như chiếc ngai vàng khổng lồ: tay vịn phía tả là dãy Thạch Tấn, giáp Quảng Ngãi; tay vịn phía hữu là dãy Nam San, giáp Phú Yên; song song và kế tiếp với hai dãy núi tả hữu là hai con sông lớn nhất tỉnh, tạo thế long châu hổ phục. Hậu yểm của cuộc đất là dựa lưng vào rìa dãy Trường Sơn cao vút, giáp tỉnh Gia Lai. Mặt trước quay về hướng Đông, lồng lộng trời cao biển cả, điểm tuyết nhưng cụm đảo ở Phù Mỹ có đủ tứ linh long, lân, quy, phụng đứng châu trước ngai. Và dọc theo bờ biển, từ

Bắc xuống Nam, rải rác đó đây có đầm Trà Ổ ở huyện Phù Mỹ, đầm Nước Ngọt nằm giữa hai huyện Phù Mỹ và Phù Cát, đầm Thị Nại ở phía Đông Nam của tỉnh, trải dài từ cực Bắc huyện Tuy Phước đến thành phố Quy Nhơn. Ngoài ra, vùng biển Quy Nhơn có Cù lao Xanh và nhiều đảo nhỏ làm tiền án che chở cho tỉnh lỵ. Trên những cánh đồng mướt mà, tô điểm vài ngọn tháp Chăm cao vút, như những cây bút khổng lồ vươn lên nền trời ghi tiếng anh hào vào mây xanh.

**4.b/ Ở huyện Tây Sơn:** phía Tây xã Bình Tường, giáp ranh với xã Tây Giang, có dãy Hoành Sơn, cao 364 m, nằm ngang trải dài theo hướng Tây Nam - Đông Bắc, dân trong vùng quen gọi là Núi Ngang. Tương truyền, mộ Nguyễn Phi Phúc, thân sinh Tam Kiệt Tây Sơn, được chôn cất kín đáo trong dãy Hoành Sơn. Mộ táng trong huyệt trường của một quần sơn có: nào bút (Bút Sơn), nào mực (Nghiên Sơn), nào ấn (Ấn Sơn), nào kiếm (Kiếm Sơn), nào trống (Cổ Sơn), nào chuông (Chung Sơn), lại có cả thú dữ quy phục.

**4.c/ Ở thị xã An Nhơn:** địa cuộc Thành Bình Định, phía Bắc có núi Mò O làm hậu chẩm, trông giống như con mãnh hổ nằm cong ngoái đầu lại ôm giữ mặt sau thành tạo thế “*Luồng long nhập thủ*” (兩龍入首). Phía Nam có dãy Triều Sơn làm tiền án. Dòng sông Côn chảy vào địa phận An Nhơn, cả hai nhánh Trung Phái và Nam Phái đều có nhiều nhánh con hướng về bốn mặt thành, tạo thế “*Tứ thủy triều quy*” (四水朝歸), tức là bốn mặt đều có nước về chầu.

**4.d/ Bán đảo Phương Mai:** tại xã Nhơn Lý, Nhơn Hội và Nhơn Hải, có núi Phương Mai, còn gọi là dãy Triều Châu, kéo dài như một con rồng, đầu là vùng núi đá Phương Mai, Gành Hồ là nanh, Mũi Mác là sừng, Eo Vược là cổ, dãy núi cát từ Giốc Ngựa đến Cách Thủ là mình và phần đuôi kéo dài vài chục cây số đến cửa Đền Gi (huyện Phù Cát). Con rồng ấy án ngữ mặt Đông, suốt từ Nam ra Bắc, che chở cho đầm Thị Nại sóng êm bể lặng, mặc cho biển Đông gào thét trong những ngày mưa bão (xem Hình 1).

**4.đ/ Cửa biển Quy Nhơn:** tức cửa Thị Nại, là một hải khẩu lý tưởng, nước sâu và đủ rộng cho tàu biển hạng nặng vô ra. Rộng nhưng không trống trải vì có mũi Cổ Rùa (phía nội thành Quy Nhơn) giao đầu với mũi Gành Hồ (phía ngoại thành) như hai cánh cổng trời khép lại, bảo vệ cho đầm Thị Nại vừa kín đáo vừa ấm cúng. Các nhà phong thổ học rất đặc ý, khen là cuộc đất “*Thủy khẩu giao nha*” (水口交牙).



H 6: Cửa biển Qui Nhơn, cuộc đất “Thủy khẩu giao nha.”

Bởi có dáng vóc địa linh, ắt phải sinh nhân kiệt, và đất Bình Định được hai lần chọn làm thủ đô. Lần trước là kinh thành Đờ Bàn của Chiêm Quốc, lần sau là thành Hoàng Đế của Tây Sơn. Ca dao đã ghi lại:

*Hà thời Biện lại vi vương  
Thử thời Bắc tặn, Nam trường xuất bôn.*

## II - ĐỊA LỊCH SỬ VÀ ĐỊA HÀNH CHÁNH

Theo *Đại Nam Nhất Thống Chí* [2] (1) và chính sử, đất Bình Định thời xa xưa thuộc bộ Việt Thường Thị [3].

- **Thời Tần** (221 - 206 TTL) là huyện Lâm Ấp thuộc Tượng Quận.

- **Thời Tây Hán** (206 TTL - 25 STL), năm Canh Ngọ (111 TTL) niên hiệu Nguyên Đĩnh thứ 6 đời Hán Võ Đế đặt huyện Tượng Lâm (gồm Bình Định và Phú Yên) thuộc quận Nhật Nam.

- **Thời Đông Hán** (25 - 220), năm Nhâm Thân (192), niên hiệu Sơ Bình thứ 3 đời Hán Hiến Đế, nhân thế lực nhà Hán quá suy yếu, viên Công tào huyện Tượng Lâm là Khu Liên (K'ouei) nổi lên giết huyện lệnh, tự xưng là Lâm Ấp Vương, lập ra nước Chiêm Thành, dựng kinh đô ở Trà Kiệu (huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam).

- **Thời Tùy** (581 - 617), năm Đại Nghiệp thứ nhất (605) chiếm được đất, đặt là châu Xung, sau đổi là quận Lâm Ấp gồm 4 huyện Giao Giang, Kim Sơn, Nam Cực và Tượng Phố; khi nhà Tùy suy yếu người Lâm Ấp giành lại chủ quyền. Đời Đường (618 - 907), năm Trinh Quán thứ 9 (635) lại đổi ra châu Lâm



chia làm 3 huyện Hải Giới, Kim Long và Lâm Ấp; nhưng phải đặt nhờ lý sở ở miền Nam châu Hoan và đến năm Trinh Nguyên thứ 19 (803) thì bỏ hẳn.

- **Cuối thế kỷ thứ 10**, vua Chiêm là Hari Varman II (988 - 998), dời đô vào miền Bắc Vijaya. Theo *Địa Phương Chí Tỉnh Bình Định*, nhà vua lấy hiệu của mình là Đồ Bàn đặt tên cho Thủ đô mới. Thành này, nay thuộc địa phận hai thôn Nam Tân (trước là Nam An) và Bắc Thuận xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Đất Đồ Bàn giữ vai trò kinh đô Chiêm quốc ngót 5 thế kỷ, trở thành một trung tâm văn hóa trọng yếu nhất, lừng lẫy một thời.

- **Năm 1470**, Hồng Đức nguyên niên đời Lê Thánh Tông, vua Chiêm là Trà Toàn đem 10 vạn quân đánh chiếm Hóa Châu. Tháng 11 năm ấy vua Lê Thánh Tông xuống chiếu thân chinh, tiến binh cả hai mặt thủy bộ, chiếm thành Đồ Bàn (1471), bắt vua Chiêm và hoàng gia. Tuy quân ta tiến binh đến núi Thạch Bi (đèo Cả), khắc bia phân ranh giới, nhưng chỉ lấy lại đất Quảng Nam, Quảng Ngãi và chiếm thêm đất Bình Định (tức miền Bắc Vijaya có kinh đô Đồ Bàn), trấn giữ đèo Cù Mông, còn đất Phú Yên (miền Nam Vijaya) lập vùng trái độn.

- **Từ năm 1471** đất Đồ Bàn mang tên Việt là phủ Hoài Nhơn (懷仁府), chia làm 3 huyện: Bồng Sơn (gồm Hoài Ân, Hoài Nhơn, An Lão ngày nay), Phù Ly (gồm Phù Mỹ và Phù Cát) và Tuy Viễn (An Nhơn, Tuy Phước, Qui Nhơn, Bình Khê, Vĩnh Thạnh, Vân Canh). Thời ấy, Hoài Nhơn (tức tỉnh Bình Định ngày nay) cùng với hai phủ Tư Nghĩa (Quảng Ngãi) và Thăng Hoa (Quảng Nam) nhập thành Thừa tuyên Quảng Nam.

- **Năm 1602**, chúa Nguyễn Hoàng (1558 - 1612) đổi Hoài Nhơn thành phủ Qui Nhơn (歸仁府).

- **Năm 1651**, chúa Nguyễn Phúc Tần (1648 - 1687) cải danh là phủ Qui Ninh (歸寧府).

- **Năm 1742**, chúa Nguyễn Phúc Khoát (1738 - 1765) lấy lại tên cũ là Qui Nhơn.

- **Năm 1799**, chúa Nguyễn Phúc Ánh (1775 - 1802) cải đổi là Bình Định, năm 1801 gọi là dinh Bình Định (平定營).

- **Năm 1808**, vua Gia Long (1802 - 1819) đặt thành trấn Bình Định. Đến năm 1815, lập Địa bạ, trấn Bình Định vẫn giữ 3 huyện: Bồng Sơn (蓬山縣) có 3 tổng Thượng, Trung, Hạ, bao gồm 150 ấp. Huyện Phù Ly (浮鷗縣) có 3 tổng Thượng, Trung, Hạ bao gồm 237 ấp. Huyện Tuy Viễn (綏遠縣) gồm tổng Vân Dương (雲陽總) và 6 thuộc [4] là Võng Nhi thuộc (網而屬), Hà Bạc (河泊), Sơn Điền (山田), Thời Tú (時秀), Thời Đôn (時惇), Thời Hòa (時和); cả thảy là 272 ấp và 1 trang [5]. Theo Địa bạ triều Nguyễn (1815), toàn trấn Bình Định có 3 huyện, gồm 7 tổng và 6 thuộc, tất cả 659 ấp và 1 trang.

- **Năm 1832**, vua Minh Mạng (1820 - 1840) cải tổ địa lý hành chính, dùng danh hiệu tỉnh thay cho trấn, dưới tỉnh đặt thêm cấp phủ, dưới phủ có huyện, bỏ danh hiệu thuộc gọi thống nhất là tổng, đổi ấp ra thôn. Theo Địa bạ triều Nguyễn lập năm 1839, tỉnh Bình Định có:

\* Phủ Hoài Nhơn coi 3 huyện là Bồng Sơn, Phù Mỹ và Phù Cát (Phù Ly giải thể và tách ra làm hai huyện từ năm 1832); trong đó: huyện Bồng Sơn (蓬山縣) cai quản 4 tổng (總): Định Sơn (定山), Thượng, Trung, Hạ, cả thảy 169 thôn; huyện Phù Mỹ lãnh 3 tổng: Bình Hà (平河), Trung Tĩnh (中靜), Trung Bình (中平), với 122 thôn; huyện Phù Cát (浮吉縣) nhận 2 tổng: Trung Định (中定), Trung An (中安), bao gồm 131 thôn.

\* Phủ An Nhơn coi 2 huyện Tuy Viễn và Tuy Phước; trong đó: huyện Tuy Viễn (綏遠縣) có 2 tổng (總): Thời Đôn (時惇) và Thời Hòa (時和) lúc đó bao trùm cả địa phận tổng Phú Phong sau này; cả thảy 109 thôn; huyện Tuy Phước (綏福縣) cai quản 3 tổng: Thời Tú (時秀), Tuy Hà (綏河) và Vân Dương (雲陽), với 146 thôn và 1 trang.

Tổng kết tỉnh Bình Định có 2 phủ, coi 5 huyện, 14 tổng, 677 thôn và 1 trang.



H 7: Bình Định Toàn Đồ, vẽ sau năm 1832.

(Nguồn: *Thông Quốc Duyệt Cách Hải Chí*, 1834)

- **Năm 1888**, lập huyện Bình Khê (平溪縣) từ nha Kinh lý An Khê (安溪) ở miền thượng du huyện Tuy Viễn (có từ năm 1877), và sáp nhập thêm 18 thôn cũng ở huyện Tuy Viễn vào huyện này [6].

- **Ngày 20- 10- 1898**, Thành Thái thứ 10, nhà vua ra dụ tách hai thôn Cẩm Thượng (錦上村) và Chánh Thành (政成村) [7] của tổng Dương An, huyện Tuy Phước, phủ An Nhơn, để lập thị xã Qui Nhơn.

- **Năm 1906**, đời Thành Thái (1889 - 1907), phủ Hoài Nhơn có thêm huyện Hoài Ân (懷恩縣), phủ An Nhơn có thêm huyện Bình Khê (được thành lập năm 1888). Huyện Tuy Phước tách ra từ phủ An Nhơn và được nâng lên thành phủ trực tiếp coi 4 tổng với 147 thôn (vì có 1 trang đã đổi thành thôn). Như vậy, tỉnh Bình Định chia thành 3 phủ: phía Bắc là Hoài Nhơn, phía Tây là phủ An Nhơn, phía Nam là phủ Tuy Phước [8].

- **Năm 1910**, đời Duy Tân (1907 - 1916), cải tổ địa lý hành chính, phủ và huyện quyền hành ngang nhau, trực tiếp cai quản các tổng, chỉ khác là phủ quan trọng hơn huyện. Đứng đầu mỗi phủ có quan Tri phủ hàm chánh tứ phẩm, dưới có 1 Lại mục gọi là thầy Đền hay thầy Cả và 3 Thừa phái thông lại giúp việc. Ở huyện có quan Tri huyện hàm chánh ngũ phẩm, 1 Lại mục và 2 Thừa phái thông lại.

Bấy giờ Bình Định có 3 phủ (府) và 4 huyện (縣), chia làm 27 tổng (總) với 707 thôn (村), tính từ Bắc vào Nam gồm:

\* Phủ Hoài Nhơn có 4 tổng: An Sơn (安山), Kim Sơn (金山), Tài Lương (才良), Trung An (忠安); chia thành 106 thôn.

\* Huyện Hoài Ân có 3 tổng: Hoài Đức (懷德), Quy Hòa (歸和), Vân Sơn (雲山); chia thành 62 thôn.

\* Huyện Phù Mỹ có 4 tổng: Hòa Lạc (和樂), Trung Bình (中平), Trung Thành (中成), Vạn Định (萬定); chia thành 125 thôn.

\* Huyện Phù Cát có 4 tổng: Chánh Lộc (政祿), Thạch Bàn (石盤), Trung Chánh (忠政), Xuân An (春安); chia thành 127 thôn.

\* Huyện Bình Khê có 4 tổng: An Khê (安溪), Tân Phong (新豐), Thuận Truyền (順傳), Vĩnh Thạnh (永盛); chia thành 47 thôn.

\* Phủ An Nhơn có 4 tổng: An Ngãi (安義), Nhơn Ngãi (仁義), Mỹ Thuận (美順), Phú Phong (富豐); chia thành 94 thôn .

\* Và phủ Tuy Phước có 4 tổng: Dương An (陽安), Dương Xuân (陽春), Nhơn Ân (仁恩), Quảng Nghiệp (廣業); chia thành 146 thôn.

Thời ấy, lãnh thổ Bình Định rất rộng, bao gồm cả Kon Tum, dân số khoảng 557.876 người, gồm: 550.000 người Kinh, 7.000 người Thượng, 750 người Hoa, 120 người Pháp, 6 người Ấn [9].

- **Năm 1915**, đời Duy Tân, Kontum tách ra lập tỉnh riêng, nhưng lại có Phú Yên nhập vào Bình Định vì thế có 5 phủ và 16 huyện (?), cả thảy là 65 tổng (?) chia thành 1.153 thôn. Dân số 931.200, trong đó có 930.000 người Việt, 1.100 người Hoa, 180 người Âu [4]. Đặt tỉnh lỵ tại Qui Nhơn [10].

- **Năm 1930**, đời Bảo Đại (1926 - 1945), Phú Yên tách ra lập tỉnh riêng. Bình Định còn lại 3 phủ và 4 huyện. Toàn tỉnh có diện tích là 5.974 km<sup>2</sup>, với dân số 557.000 người [11].

- **Năm 1935**, sau khi rút Kon Tum và Phú Yên ra, tỉnh Bình Định vẫn giữ 3 phủ và 4 huyện, nhưng chỉ còn 26 tổng với 687 thôn, tính từ Bắc vào Nam gồm: Phủ Hoài Nhơn vẫn 4 tổng như cũ với 108 thôn; huyện Hoài Ân vẫn 3 tổng như cũ với 63 thôn; huyện Phù Mỹ vẫn 4 tổng như cũ với 123 thôn; huyện Phù Cát vẫn 4 tổng như cũ với 114 thôn; Huyện Bình Khê còn 3 tổng là Phú Phong (富豐), Thuận Truyền (順傳), Vĩnh Thạnh (永盛), chia làm 47 thôn; phủ An Nhơn có 4 tổng là An Ngãi, Háo Đức, Mỹ Đức, Nhơn nghĩa, chia làm 108 thôn; phủ Tuy Phước có 4 tổng là Dương An, Nhơn Ân, Quảng Nghiệp, Thiều Quang, chia làm 124 thôn.

- **Năm 1943**, tỉnh Bình Định có diện tích 6.100 km<sup>2</sup>, với dân số 780.300 người [12].

- **Năm 1946**, thời Việt Minh, cải tổ hành chính, bỏ phủ và tổng, dùng danh hiệu tỉnh, huyện, xã và duy trì đơn vị thôn (có từ xưa) để lập xã, cứ chùng ba thôn liền nhau hợp thành một xã. Thí dụ: huyện Tuy Phước có 120 thôn hợp thành 42 xã; và đơn cử xã Mỹ Phú (thuộc huyện Tuy Phước) gồm 3 thôn Quang Hy, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Thế.

- **Năm 1948**, hợp xã lần thứ hai, vẫn giữ đơn vị thôn và cứ trung bình 3 xã cũ hợp thành một xã mới. Danh hiệu xã lấy chữ đầu hay chữ cuối của tên huyện ráp vào một chữ khác thành tên xã và nguyên tắc này vẫn duy trì đến nay.

Thí dụ: huyện Tuy Phước từ 42 xã cũ hợp thành 16 xã mới, gồm: xã Phước Thắng (9 thôn), xã Phước Hưng (7 thôn), xã Phước Hòa (10 thôn), xã Phước Quang (12 thôn), xã Phước Hiệp (8 thôn), xã Phước Sơn (9 thôn), xã Phước Lộc (11 thôn), Phước Nghĩa (8 thôn), xã Phước Thuận (5 thôn), xã Phước Hậu (13 thôn), xã Phước An (7 thôn), xã Phước Long (9 thôn), xã Phước Thành (9 thôn), xã Phước Tấn (3 thôn), xã Phước Hải (chỉ có thôn Phương Mai), Phước Châu (đảo Cù Lao xanh).

- **Từ năm 1955**, thời Việt Nam Cộng Hòa, dùng danh hiệu quận thay cho huyện. Ngày 13- 3- 1959, lãnh thổ Bình Định có thêm quận mới là An Túc [13]. Tính đến tháng 12 năm 1970, theo tài liệu HES, toàn tỉnh có 732.212 người [14], diện tích 9.024 km<sup>2</sup>, từ Bắc xuống Nam gồm 9 quận: Tam Quan [15] có 6 xã, Hoài Nhơn có thị trấn Bồng Sơn và 25 xã (lấy một số xã của Hoài Ân, đồng thời tách một số xã để lập quận Tam Quan), Hoài Ân có 15 xã (bao gồm một phần Vĩnh Thạnh), Phù Mỹ có 15 xã, Phù Cát có 11 xã, Bình Khê (bao gồm một phần Vĩnh Thạnh) có 20 xã, An Túc có 29 xã, An Nhơn có 14 xã, Tuy Phước (bao gồm cả Vân Canh) có 24 xã, và sau cùng là Thị xã Qui Nhơn.

- **Từ tháng 2 năm 1976**, thời Cộng Sản, trở lại dùng danh hiệu huyện, trả huyện An Túc về với các tỉnh cao nguyên, đem tỉnh Quảng Ngãi nhập chung với Bình Định thành tỉnh Nghĩa Bình. Cũng khoảng thời điểm ấy, hai huyện Tuy Phước và Vân Canh bị sáp nhập thành huyện Phước Vân.

- **Ngày 24 tháng 8 năm 1981**, Quyết định số 41-HĐBT của Hội Đồng Bộ Trưởng, chia huyện Hoài Ân thành 2 huyện: Hoài Ân và An Lão; chia huyện Phước Vân thành hai huyện: Tuy Phước và Vân Canh; chia huyện Tây Sơn thành hai huyện: Tây Sơn và Vĩnh Thạnh [16].

- **Ngày 3- 7- 1986**, Quyết định số 81-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng, cải biến thị xã Qui Nhơn thành thành phố Qui Nhơn [17].

- **Ngày 30- 6- 1989**, tỉnh Nghĩa Bình lại tách ra làm hai tỉnh riêng, và phục hồi tên tỉnh cũ là: Quảng Ngãi và Bình Định. Theo Nghị quyết của Quốc Hội khóa VIII, kỳ họp thứ 5 [18].

- **Ngày 4- 7- 1998**, Quyết định 558/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, thành phố Qui nhơn được công nhận là đô thị Loại II, trực thuộc tỉnh Bình Định. [19].

- **Ngày 25 tháng 1 năm 2010**, theo Quyết định số 159/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, thành phố Qui Nhơn được công nhận là đô thị loại I, cũng trực thuộc tỉnh Bình Định [20].

- **Ngày 28- 11- 2011**, Nghị quyết số 101/NQ-CP, chuyển huyện An Nhơn thành thị xã An Nhơn, thuộc tỉnh Bình Định, có 15 đơn vị (5 phường và 10 xã) trực thuộc. Tính từ Nam ra Bắc, 5 phường gồm: Nhơn Hòa, Bình Định (thị trấn Bình Định cũ), Nhơn Hưng, Đập Đá (thị trấn Đập Đá cũ) và Nhơn Thành, đều nằm dọc theo đường Quốc lộ 1A. Cũng tính từ Nam ra Bắc, thị xã này, phía Tây có 7 xã: Nhơn Tân, Nhơn Thọ, Nhơn Lộc, Nhơn Phúc, Nhơn Khánh, Nhơn Hậu, Nhơn Mỹ; phía Đông có 3 xã: Nhơn An, Nhơn Phong, Nhơn Hạnh [21].

- **Ngày 22- 04- 2020**, Nghị quyết số 932/NQ-UBTVQH14, cải biến huyện Hoài Nhơn thành thị xã Hoài Nhơn, thuộc tỉnh Bình Định, có 17 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 11 phường: Bồng Sơn, Hoài Đức, Hoài Hảo, Hoài Hương, Hoài Tân, Hoài Thanh, Hoài Thanh Tây, Hoài Xuân, Tam Quan, Tam Quan Bắc, Tam Quan Nam; và 06 xã: Hoài Châu, Hoài Châu Bắc, Hoài Hải, Hoài Mỹ, Hoài Phú, Hoài Sơn [22].

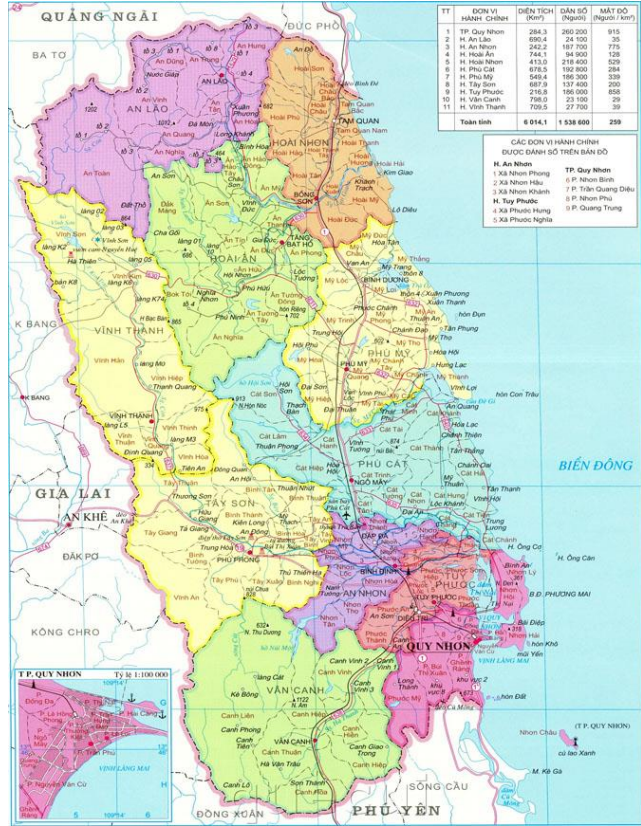
- **Năm 2022 - Bảng Thống kê:** các cấp hành chính, theo hệ thống dọc từ trên xuống là: tỉnh, huyện, xã, thôn, xóm. Tỉnh Bình Định có 1 thành phố (trực thuộc tỉnh), hai thị xã và 8 huyện, theo Bảng thống kê dưới đây gồm: Thể loại hành chính, Địa danh, Thủ phủ, Diện tích, Dân số, Mật độ và Đơn vị hành chính [23]:

Số TT	Loại hành chính	Địa danh	Thủ phủ	Diện tích (km <sup>2</sup> )	Dân số (người)	Mật độ (người/km <sup>2</sup> )	Đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn
1	Thành phố	Qui Nhơn có 21 đơn vị hành chính cấp xã	Qui Nhơn	284,3 km <sup>2</sup>	280.500 người	987 người/km <sup>2</sup>	<u>16 phường</u> : Bùi Thị Xuân, Đồng Đa, Ghềnh Ráng, Hải Cảng, Lê Hồng Phong, Lê Lợi, Lý Thường Kiệt, Ngô Mây, Nguyễn Văn Cừ, Nhơn Bình, Nhơn Phú, Quang Trung, Thị Nai, Trần Hưng Đạo, Trần Phú, Trần Quang Diệu. <u>5 xã</u> : Nhơn Lý, Nhơn Hội, Nhơn Hải, Nhơn Châu, Phước Mỹ.
2	Thị xã	An Nhơn có 15 đơn vị hành chính cấp xã	An Nhơn	255,2 km <sup>2</sup>	178.400 người	699 người/km <sup>2</sup>	<u>5 phường</u> : Nhơn Hòa, Bình Định, Nhơn Hưng, Đập Đá, Nhơn Thành, <u>10 xã</u> : Nhơn Tân, Nhơn Thọ, Nhơn Lộc, Nhơn Phúc, Nhơn Khánh, Nhơn Hậu, Nhơn Mỹ, Nhơn An, Nhơn Phong, Nhơn Hạnh.
3	Thị xã	Hoài Nhơn có 17 đơn vị hành chính cấp xã	Bồng Sơn	413,0 km <sup>2</sup>	205.600 người	498 người/km <sup>2</sup>	<u>11 phường</u> : Bồng Sơn, Hoài Đức, Hoài Hảo, Hoài Hương, Hoài Tân, Hoài Thanh, Hoài Thanh Tây, Hoài Xuân, Tam Quan, Tam Quan Bắc, Tam Quan Nam. <u>6 xã</u> : Hoài Châu, Hoài Châu Bắc, Hoài Hải, Hoài Mỹ, Hoài Phú, Hoài Sơn.

4	Huyện	An Lão có 10 đơn vị hành chính cấp xã	An Lão	690,4 km <sup>2</sup>	24.200 người	35 người/km <sup>2</sup>	<u>1 thị trấn</u> : An Lão. <u>9 xã</u> : An Dũng, An Hòa, An Hưng, An Nghĩa, An Quang, An Tân, An Toàn, An Trung, An Vinh.
5	Huyện	Hoài Ân có 15 đơn vị hành chính cấp xã	Tăng Bạt Hổ	744,1 km <sup>2</sup>	84.400 người	113 người/km <sup>2</sup>	<u>1 thị trấn</u> : Tăng Bạt Hổ. <u>14 xã</u> : Ân Đức, Ân Hảo Đông, Ân Hảo Tây, Ân Hữu, Ân Mỹ, Ân Nghĩa, Ân Phong, Ân Sơn, Ân Thạnh, Ân Tín, Ân Tường Đông, Ân Tường Tây, Book Tới, Đăk Mang.
6	Huyện	Vĩnh Thạnh có 9 đơn vị hành chính cấp xã	Vĩnh Thạnh	710,0 km <sup>2</sup>	28.000 người	39 người/km <sup>2</sup>	<u>1 thị trấn</u> : Vĩnh Thạnh. <u>8 xã</u> : Vĩnh Hảo, Vĩnh Hiệp, Vĩnh Hòa, Vĩnh Kim, Vĩnh Quang, Vĩnh Sơn, Vĩnh Thịnh, Vĩnh Thuận.
7	Huyện	Phù Mỹ có 19 đơn vị hành chính cấp xã	Phù Mỹ	548,9 km <sup>2</sup>	169.300 người	308 người/km <sup>2</sup>	<u>2 thị trấn</u> : Phù Mỹ và Bình Dương. <u>17 xã</u> : Mỹ An, Mỹ Cát, Mỹ Chánh, Mỹ Chánh Tây, Mỹ Châu, Mỹ Đức, Mỹ Hiệp, Mỹ Hòa, Mỹ Lộc, Mỹ Lợi, Mỹ Phong, Mỹ Quang, Mỹ Tài, Mỹ Thành, Mỹ Thắng, Mỹ Thọ, Mỹ Trinh.
8	Huyện	Phù Cát có 18 đơn vị hành chính cấp xã	Ngô Mây	678,5 km <sup>2</sup>	188.000 người	277 người/km <sup>2</sup>	<u>1 thị trấn</u> : Ngô Mây. <u>17 xã</u> : Cát Chánh, Cát Hải, Cát Hanh, Cát Hiệp, Cát Hưng, Cát Khánh, Cát Lâm, Cát Minh, Cát Nhơn, Cát Sơn, Cát Tân, Cát Tài, Cát Thành, Cát Thắng, Cát Tiến, Cát Trinh, Cát Tường.

9	Huyện	Tây Sơn có 15 đơn vị hành chính cấp xã	Phú Phong	688,0 km <sup>2</sup>	123.300 người	179 người/km <sup>2</sup>	<u>1 thị trấn</u> : Phú Phong. <u>14 xã</u> : Bình Hòa, Bình Nghi, Bình Tân, Bình Thành, Bình Thuận, Bình Tường, Tây An, Tây Bình, Tây Giang, Tây Phú, Tây Thuận, Tây Vinh, Tây Xuân, Vĩnh An.
10	Huyện	Tuy Phước có 13 đơn vị hành chính cấp xã	Tuy Phước	216,8 km <sup>2</sup>	180.000 người	830 người/km <sup>2</sup>	<u>2 thị trấn</u> : Tuy Phước và Diêu Trì. <u>11 xã</u> : Phước An, Phước Hiệp, Phước Hòa, Phước Hưng, Phước Lộc, Phước Nghĩa, Phước Quang, Phước Sơn, Phước Thành, Phước Thắng, Phước Thuận.
11	Huyện	Vân Canh có 7 đơn vị hành chính cấp xã	Vân Canh	798,0 km <sup>2</sup>	24.700 người	31 người/km <sup>2</sup>	<u>1 thị trấn</u> : Vân Canh. <u>6 xã</u> : Canh Hiệp, Canh Hiên, Canh Hòa, Canh Liên, Canh Thuận, Canh Vinh.
	Tỉnh	Bình Định có 11 đơn vị hành chính cấp huyện	Qui Nhon	6.027,2 km <sup>2</sup>	1.486.400 người	246,6 người/km <sup>2</sup>	<u>1 thành phố</u> : Qui Nhon <u>2 thị xã</u> : An Nhon và Hoài Nhon <u>8 huyện</u> : An Lão, Hoài Ân, Vĩnh Thạnh, Phù Mỹ, Phù Cát, Tây Sơn, Tuy Phước, Vân Canh. Được chia thành 159 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 10 thị trấn, 32 phường và 117 xã.





H 8: Bản đồ Hành chính tỉnh Bình Định  
Khổ lớn phóng to năm 2020 [24].

### III - VĂN HỌC BÌNH ĐỊNH

Ở Bình Định, không những việc học hành và khoa cử phát triển mạnh, mà văn chương bác học và thi ca bình dân cũng rất phong phú và đa dạng, qua các thành tích dưới đây:

#### 01 - Khoa bảng thời Nho học:

Năm 1850, Trường thi Hương văn Bình Định ra đời ở thôn Hòa Nghi, tổng Thới Đôn, huyện Tuy Viễn, phủ An Nhơn, tỉnh Bình Định; nay là khu vực Hòa Nghi, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn. Từ năm 1852 đến 1918, trường này đã đóng góp cho đất nước 23 khoa thi, lấy đỗ 355 Cử Nhân của 6 tỉnh là Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận; trong đó Bình Định có 198 Cử nhân, chiếm tỷ lệ 55,77%.

Theo *Quốc Triều Hương Khoa Lục*, nếu tính cả 48 khoa thi Hương triều Nguyễn, toàn quốc có 5232 Cử nhân. Trong đó, tỉnh Bình Định có 248 người đỗ Cử nhân, chiếm tỷ lệ 4,74%. Phân ra các huyện như sau:

- Tuy Phước 72 Cử nhân

- Tuy Viễn	68	-
- Phù Cát	44	-
- Phù Mỹ	26	-
- Bồng Sơn	33	-
- Hoài Nhơn	1	-
- Hoài Ân	2	-

- Chưa rõ huyện nào 2 Cử nhân là Nguyễn Xuân Chi, vị thứ 5/17, người xã Hà Thủy (?), tỉnh Bình Định; và Ngô Tĩnh, vị thứ 14/17, người xã Minh Hương (?), tỉnh Bình Định, cả hai đều trúng tuyển khoa Tân Mão (1891) tại Trường thi Bình Định.

Trong 48 khoa thi Hương triều Nguyễn, từ năm 1807 đến 1918, tỉnh Bình Định có 13 người đỗ Giải nguyên, và 9 người đỗ Á nguyên.

Cử nhân Huỳnh Văn Minh, ở thôn Phú Hội, huyện Phù Cát, là người khai khoa Cử nhân cho tỉnh Bình Định. Ông đỗ khoa Tân Tỵ (1821), vị thứ 18/25, tại Trường thi Trực Lệ (kinh đô Huế).

Cử nhân Văn Vỹ, ở thôn Hữu Pháp, huyện Phù Cát, là vị Cử nhân cuối cùng của Hương khoa, và cũng là người trẻ tuổi nhất đậu Cử nhân. Ông sinh năm 1902, đỗ khoa Mậu Ngọ (1918), vị thứ 12/12, tại Trường thi Bình Định, lúc 16 tuổi.

Ngoài ra tỉnh nhà còn có 8 vị đại khoa gồm:

- Lê Văn Chân (黎文真; 1817 - ?) ở thôn Trà Lương, xã Mỹ Trinh, huyện Phù Mỹ. Ông đỗ Cử nhân thứ 18/31, khoa Giáp Ngọ (1834), tại trường thi Thừa Thiên; đỗ Tiến sĩ thứ 10/11 khoa Đinh Sửu (1835), lúc 18 tuổi; làm quan tới chức Tuần phủ Hưng Yên.

- Lê Thúc Đôn (黎叔惇; 1805 - ?) người thôn Phú Nhuận, huyện Bồng Sơn; là khu vực [25] Phú Nhuận, phường Hoài Hương, thị xã Hoài Nhơn. Ông đỗ Cử nhân thứ 12/30, khoa Đinh Dậu (1837), tại Trường thi Thừa Thiên; đỗ Phó bảng thứ 5/10, khoa Mậu Tuất (1838), lúc 33 tuổi, làm quan tới chức Bố chánh tỉnh Thanh Hóa.

- Trần Văn Chánh (陳文正; 1821 - ?) ở thôn Linh Chiêu, huyện Bồng Sơn; nay thôn Linh Chiêu thuộc xã Ân Phong, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định. Ông đỗ Giải nguyên (1/30), khoa Canh Tý (1840), tại Trường thi Thừa Thiên; đỗ Tiến sĩ thứ 9/13, khoa Nhâm Dần (1842); làm quan được hàm Biên tu.

- Võ Văn Hiệu (武文熈; 1811 - 1854) ở thôn Thuận Hạnh, xã Bình Thuận, huyện Tây Sơn. Ông đỗ Cử nhân thứ 43/46, khoa Bính Ngọ (1846), tại Trường thi Thừa Thiên; và đỗ Tiến sĩ thứ 7/7, khoa Đinh Mùi (1847), lúc 36 tuổi, được sơ bổ

Hàn Lâm viện Biên tu. Làm quan tới chức tri phủ Ba Xuyên và mất tại nhiệm sở, dân chúng rất thương tiếc, tôn xưng ông là bậc tuần lương.

- Huỳnh Văn Học (黃文學; 1817 - ?) ở thôn Phú Phong, huyện Tuy Viễn, phủ An Nhơn, tỉnh Bình Định; nay là thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định. Ông đỗ Cử nhân thứ 36/46, khoa Bính Ngọ (1846), tại Trường thi Thừa Thiên; và đỗ Phó bảng thứ 3/4, khoa Đinh Mùi (1847), lúc 30 tuổi, làm quan tới chức Biện lý bộ Công.

- Ngô Tùng Nho (吳從儒; 1813 - ?) ở thôn Thuận Nghĩa, xã Bình Thành, huyện Tây Sơn. Ông đỗ Cử nhân thứ 43/46, khoa Bính Ngọ (1846), tại Trường thi Thừa Thiên; và đỗ Tiến sĩ thứ 9/12, khoa Kỷ Dậu (1849), lúc 36 tuổi. Ra làm quan đến chức Tri phủ, sau khi mất được tặng Thị giảng Học sĩ. Và được *Đại Nam Nhất Thống Chí* liệt vào mục Nhân vật nổi tiếng của Bình Định.

- Đào Phan Duân (陶潘均; 1864 - 1947) ở thôn Biểu Chánh, xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước. Ông đỗ Cử nhân thứ 6/19, khoa Giáp Ngọ (1894), tại Trường thi Bình Định; và đậu Phó bảng thứ 7/12, khoa Ất Mùi (1895), lúc 31 tuổi. Làm quan đến chức Tuần phủ Khánh Hòa.

- Hồ Sĩ Tạo (胡士造; 1869 - 1934), ở thôn Hòa Cư, xã Nhơn Hưng, huyện An Nhơn. Ông đỗ Cử nhân thứ 3/17, khoa Tân Mão (1891), tại Trường thi Bình Định; và đỗ Tiến sĩ thứ 5/6, khoa Giáp Thìn (1904), lúc 35 tuổi. Năm 1908, ông đang chức Tri huyện Tân Định (tỉnh Khánh Hòa), về quê thọ tang thân mẫu, gặp lúc Phong trào Kháng Thuế ở tỉnh nhà đang bột phát, ông nhận làm thủ lĩnh của Đồng Bào. Phong trào bị Pháp đàn áp mạnh phải tan rã. Hồ Sĩ Tạo bị triều đình Huế kết án giam giữ. Ông ngồi ngục tù ở thành Bình Định suốt 12 năm.

## 02 - Văn thi nhân:

Người đầu tiên thấp sáng ngọn đuốc Văn học Bình Định là Đào Duy Từ (1572 - 1634) qua tác phẩm *Ngọa Long Cương* và *Tư Dung Vãn*, sau này có Lê Công Miến (1739 - 1800), Đặng Đức Siêu (1750 - 1810), Ngô Tùng Châu (? - 1801), tiếp nữa có Nguyễn Diêu (1822 - 1880), Đào Tấn (1845 - 1907), Nguyễn Bá Huân (1853 - 1915), Nguyễn Trọng Trì (1854 - 1922), Bùi Văn Lãng (? - ?), Đồ Bàn Tứ Hữu... Và tiếp tục vun bồi nền văn học Bình Định có Lam Giang Nguyễn Quang Trứ (1919 - 2009), Mộng Bình Sơn Phan Canh (1923 - 2011), Nguyễn Mộng Giác (1940 - 2012), Võ Phiến (1925 - 2015) đều đã khuất.

## 03 - Hội thơ:

“Đồ Bàn Tứ Hữu” hay còn gọi “Bàn Thành Tứ Hữu” là danh hiệu của người đời gọi bốn nhà thơ thời Tiến Chiến của Bình Định, gồm Quách Tấn (1910- 1992), Hàn Mặc Tử (1912- 1940), Yến Lan (1916- 1998), Chế Lan Viên (1920- 1989). Là

nhóm thơ phát sinh và tồn tại ở vùng thành Đồ Bàn tỉnh Bình Định, từ năm 1936 đến năm 1945. “*Đồ Bàn Tứ Hữu*” giao du rất rộng với văn giới khắp nước, nhưng không mở rộng thành viên, trước sau vẫn chỉ 4 người. Có người cho rằng để ứng vào hình tượng tứ linh: Long là Hàn Mặc Tử, Lân là Yến Lan, Quy là Quách Tấn, Phụng là Chế Lan Viên. Trong 9 năm tồn tại, nhóm thơ Bình Định đã sáng tác 5 tập thơ, 3 kịch thơ và 1 tập văn; có giá trị, gây được nhiều tiếng vang và để lại dấu ấn trong nền Văn học Việt Nam.

#### **04 - Thi ca Bình Dân:**

Với Bình Định, Thi ca Bình dân, có đủ các thể loại như: Ca dao, Tục ngữ, Câu đố, Câu thai, Vè, Hát ru, Hát đối đáp, Hò, Lý, Sắc bùa; đóng góp đáng kể trong nền Văn học dân gian Việt Nam.

##### **4.a/ Ca dao:**

Ca dao là thơ của quần chúng dưới hình thức câu hát nhưng không theo nhịp điệu nhất định, không biết tác giả là ai, và được phổ biến qua sự truyền miệng. Ca dao chiếm phần lớn trong kho tàng dân ca Bình Định, hầu hết là thể thơ lục bát.

Để được xác nhận là ca dao của Bình Định, phải có ít nhất một trong 5 điều kiện: địa danh, thổ ngữ, thổ âm, sự tích và sự kiện, phổ quát và truyền thống.

Xét về nội dung, ca dao Bình Định rất phong phú, có cả thảy 32 loại, gồm: Lịch sử, Địa lý, Địa hình, Phong thủy, Cảnh vật, Thời sự, Xã hội, Nhân vật, Tôn giáo, Phong tục, Ẩm thực, Lễ hội, Võ nghệ, Khoa cử, Công trình kiến trúc, Trang trí nội thất, Tướng số, Tâm linh, Thói tục kiêng cử, Trữ tình, Tình yêu đôi lứa, Tâm lý, Trào phúng, Chống xâm lăng, Chiến sự, Đối kháng thời thế, Sinh hoạt nghề nghiệp, Làng nghề truyền thống, Kinh nghiệm trong đời sống, Hát xướng, Hát vui chơi, và Đồng dao.

##### **4.b/ Tục ngữ:**

Bình Định là vùng đất dọc theo duyên hải, phía Đông là biển cả, phía Tây là triền núi Trường Sơn, thế đất có độ dốc cao. Giông bão, mưa lụt, hạn hán xảy ra thường xuyên, nên trong cuộc sống đã rút tủa kinh nghiệm thực tiễn và giá trị đạo đức; rồi đúc kết thành những câu ngắn gọn, súc tích, có vần điệu, dễ nhớ, dễ nghe, và phổ biến; gọi là tục ngữ.

Xét về nội dung, tục ngữ Bình Định cũng rất phong phú, có cả thảy 12 loại, gồm: Thời tiết, Khí hậu, Nông nghiệp, Cách xử thế, Phong tục, Tục kiêng cử, Phong thủy, Kinh nghiệm trong đời sống, Ẩm thực, Sản vật, Hát xướng, Võ nghệ.

##### **4.c/ Vè:**

Nếu ca dao có tác dụng diễn đạt tình cảm của con người đối với thiên nhiên, đối với nhân loại, đối với sinh vật, đối với sự kiện và sự vật... thì vè có

tính chất hài hước, châm biếm. Đó là thái độ đối kháng của lớp bình dân thấp cổ bé miệng. Ngoài ra, về còn dự phần phản ánh xã hội, qua cuộc sống hằng ngày của dân quê. Vì thế, một bài về thường được đóng góp bổ sung của nhiều người, nên có nhiều dị bản. Và đặc biệt hơn, sự có mặt đáng kể của loại về truyện, thuật lại cuộc đời hành trạng của một nhân vật, một sự kiện; diễn ca qua thể lục bát trường thiên.

Ở Bình Định, về xuất hiện rất nhiều, vừa phong phú vừa đa dạng, nhất là loại về truyện, về lịch sử, và độc đáo là về địa lý, đều có sức thu hút đi vào lòng người, lan truyền rất xa vượt khỏi ranh giới tỉnh nhà, và bền vững với thời gian. Đó là *Về Chàng Lía*, *Về Bà Thiểu Phó*, *Về Các Lái* (Hát vô và Hát ra), *Về Dư Đành*, *Về Thông Tầm*.

Ngoài ra còn 30 bài về khác, gồm: *Về Bán Pháo*, *Về Bắt Công (chim)*, *Về Các Chợ*, *Về Các Loại Cá*, *Về Các Loại Chim*, *Về Các Loại Hoa*, *Về Các Phiên Chợ*, *Về Các Vật Dụng*, *Về Chợ Gò Chàm*, *Về Con Kiến*, *Về Cu Cút*, *Về Cúp Tóc*, *Về Dạy Con*, *Về Đánh Bạc*, *Về Đúc Cây Dừa*, *Về Gọi Nghé*, *Về Khuyến Học Trò*, *Về Mất Đó*, *Về Nói Khoác*, *Về Nói Láo*, *Về Nói Ngược 1*, *Về Nói Ngược 2*, *Về Ở Mướn*, *Về Tập Tâm Vòng*, *Về Thăng Nhác*, *Về Thầy Phù Thủy*, *Về Thầy Xạng*, *Về Thuế Nặng*, *Về Trái Cây*, *Về Xem Hát Bội*.

#### **4.d/ Câu đố:**

Câu văn vần khi mô tả người, vật, hiện tượng một cách lắt léo, mắt mờ, úp mở, hoặc có nhiều ý nghĩa dùng để đố nhau, được gọi là câu “xuất.” Đáp trả được câu đố, gọi là “giải.” Những câu đố phổ biến ở Bình Định, có thể xếp làm 5 nhóm: Hiện tượng thiên nhiên, Vật dụng thường ngày, Sinh vật chung quanh ta, Sinh hoạt của con người, Đố chữ.

#### **4.đ/ Câu thai:**

Câu thơ ứng với tên con bài trong bộ môn hát Bài chòi.

#### **4.e/ Hát ru:**

Điệu hát dân gian êm ái, thiết tha, ru cho trẻ con ngủ, đồng thời biểu lộ tình cảm, tâm sự một cách nhẹ nhàng.

#### **4.g/ Hát đối đáp:**

Loại thơ dân gian, thường là ca dao, dùng trong lúc tập thể giã gạo, hoặc hội hè, trai gái hát vấn đáp nhau.

#### **4.h/ Hò:**

Một loại dân ca trong lao động do một người xướng lên, rồi mọi người cùng họa theo để hưởng ứng, gồm các loại: *Hò khoan*, *Hò khiên xe nước*, *Hò ba lý*, *Hò giã vôi*, *Hò đờ*, *Hò kéo vải*, *Hò giã gạo*, *Hò Lơ*.

#### **4.i/ Lý:**

Theo nghĩa đen, lý là làng quê. Lý còn là điệu dân ca ở Miền Trung và Miền Nam, nội dung trữ tình, lời ca dựa vào ca dao, đôi khi là thơ 5 hay 7 chữ.

Tên của bài thường nằm ngay ở câu đầu. Điệu lý ở Bình Định có các bài sau đây: *Lý Thương Nhau, Lý Con Tằm, Lý Con Cá, Lý Cây Chanh, Lý Dệt Vải, Lý Vọng Phu.*

#### **4.k/ Sắc bùa:**

Làn điệu Sắc bùa thuộc vào mô hình dân ca nghi lễ, dùng vào dịp lễ, tết, và ngày giỗ tổ các ngành nghề. Đội hát Sắc bùa có một người cầm đầu, gọi là “Cái,” cất giọng xướng. Khi câu hát vừa dứt, đám người đi theo gọi là “Con xô” đồng thanh hát tiếp. Đoàn hát đến từng nhà hát chúc tụng. Tùy theo nghề nghiệp của gia chủ, nhân vật Cái sẽ xướng bài hát có nội dung thích hợp, tiếp theo Con xô đồng hát phụ họa theo. Chủ nhà tùy hỷ thường tiền cho toán hát Sắc bùa.

Hát Sắc bùa ở Bình Định có nhiều bài, điển hình như: *Chúc Gia Đình Làm Nghề Nông, Chúc Gia Đình Ngư Dân, Chúc Gia Đình Thơ Mộc, Chúc Gia Đình Dệt Vải, Chúc Gia Đình Nuôi Tằm Lấy Tơ, Sai roi.*

## **IV - VĂN HÓA BÌNH ĐỊNH**

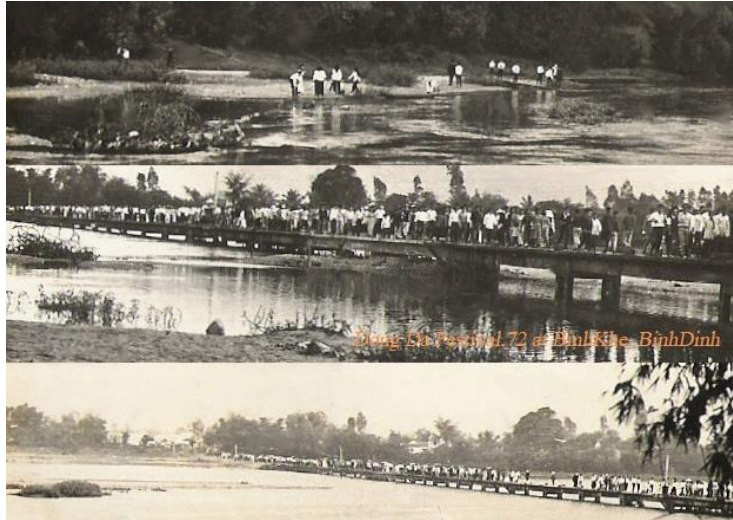
### **01 - Lễ hội truyền thống:**

Bởi địa hình của tỉnh Bình Định phức tạp, tác động mạnh vào cuộc sống của cư dân, nên mỗi miền có nét sinh hoạt khác nhau, thể hiện qua các lễ hội cũng khác nhau.

Các làng chài dọc theo bờ biển có Lễ hội Cầu Ngư, làng Xương Lý tổ chức vào ngày mùng 10 tháng giêng, còn làng Hưng Lương định lệ vào mùng 6 tháng 3 âm lịch [26]; buổi lễ với màn hát Bá trạo truyền thống, mang màu sắc nghề nghiệp.

Ở miền đồng bằng có Chợ đêm Gò Chàm, vào hai phiên cận Tết Nguyên Đán, rộn ràng mua sắm; rồi Hội Tết Chợ Gò thể hiện tục xuất hành đầu năm. Sau Tết, có Hội Hát Xuân phô diễn nét nghệ thuật ca kịch độc đáo của tỉnh nhà. Và vào tháng 7 có Lễ hội Đổ Giàn ở chùa Bà An Thái (thị xã An Nhơn) vào rằm tháng bảy, thể hiện truyền thống thượng võ của người dân Bình Định.

Còn ở miền trung du thì có Lễ hội Đống Đa vào ngày mùng 5 Tết ở thị trấn Phú Phong (huyện Tây Sơn), phát huy lòng tự hào dân tộc.



H 9: Từ các ngã đường, đoàn người kéo về  
Lễ Hội Đống Đa năm 1972, tại Kiên Mỹ.  
(Ảnh: Lê Quang Mỹ, cuongde.org)

Và cuối cùng, ở miền núi, vào mùa xuân có Lễ hội Đâm Trâu của người Thượng trong huyện Vĩnh Thạnh, biểu lộ lòng dũng cảm và nét man dại của rừng xanh.

## 02 - Võ học:

Võ Bình Định ở đầu thời kỳ được truyền dạy có tính cách tùy tiện, chuyên về cương công và ngoại công vì thế nghiệp võ chỉ thích hợp với những người mạnh khỏe, nên có câu: “Võ dĩ dũng vi bản” (Võ lấy sức mạnh làm một nửa). Sang đến đời Tây Sơn, võ Bình Định được các tướng lãnh Tây Sơn hệ thống hóa, mỗi thế võ có một bài thiệu (tức là phần lý thuyết bằng thơ) đi kèm, nên có thể truyền dạy cùng lúc cho nhiều người, thích hợp vào việc huấn luyện binh sĩ. Võ Tây Sơn còn dung hòa cả cương lẫn nhu, vận dụng cả nội ngoại công, vì thế võ thuật càng mềm dẻo, càng lợi hại và thích hợp với mọi thể chất. Đây là thời kỳ cực thịnh của võ Bình Định.



H 10: Biểu diễn trống trận Tây Sơn,  
Hội Bình Định Bắc Cali. (Ảnh: Việt Thao, 2003)

Tuy nhiên, võ Bình Định vẫn bị chi phối bởi luật thăng trầm, từ năm 1470 đến nay, trải qua 7 giai đoạn: Khởi đầu là Thời kỳ Mở mang (1470 - 1558), kế tiếp là Thời kỳ Phát triển (1558 - 1771), tiến tới Thời kỳ Cực thịnh (1717 - 1802), rồi lại co cụm trong Thời kỳ Ẩn mình (1802 - 1867), nhưng được phục hồi phần nào trong Thời kỳ Trung hưng (1867 - 1924), rồi bị cạnh tranh trong Thời kỳ Xâm nhập (1924 - 1945), và nay là Thời kỳ Trầm lắng.

Qua các thời kỳ, mạch võ Bình Định đã sản sinh ra những anh kiệt. Thời chúa Nguyễn có Nguyễn Hữu Tiến (1602 - 1666) người huyện Hoài Nhơn, lập nhiều võ công, được phong tặng Tả quân Chương phủ Tiết chế Quận công. Thời Tây Sơn có Nguyễn Nhạc (? - 1793), Nguyễn Huệ (1753 - 1792), Nguyễn Lữ (1754 - 1788) người thôn Kiên Mỹ xã Bình Thành, nay Kiên Mỹ thuộc thị trấn Phú Phong; Võ Văn Dũng (? - 1835) người thôn Phú Mỹ, xã Tây Phú, huyện Tây Sơn; Trần Quang Diệu (? - 1802) người thôn Vạn Hội, xã Ân Tín, huyện Hoài Ân; Bùi Thị Xuân (? - 1802) người thôn Xuân Hòa, xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn. Thời nhà Nguyễn có Lê Chất (1768 - 1826) người thôn Bình Trị, xã Mỹ Quang, huyện Phù Mỹ; Lê Đình Lý (? - 1858) người huyện Phù Mỹ, vị tướng đầu tiên bị tử thương trong cuộc chống xâm lăng của quân Pháp. Thời Pháp thuộc có Tăng Bạt Hồ (1858 - 1908), tên thật là Tăng Doãn Văn, người thôn An Thường, xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân; Mai Xuân Thưởng (1860 - 1887), người thôn Phú Lạc, xã Bình Thành, huyện Tây Sơn; Võ Trứ (? - 1898) người thôn Nhơn Ân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, đã lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Sông Cầu tỉnh Phú Yên.

Tóm lại, mạch võ Bình Định như một dòng sông, lúc uốn khúc, lúc bằng phẳng, khi voi, khi đây, nhưng với khí thế của đất trời “Ba dòng sông chảy, ba dãy



*non cao, biển Đông sóng vỗ dạt dào, tháp kia làm bút ghi tiếng anh hào vào mây xanh,"*  
dòng chảy ấy không bao giờ dứt.

### 03 - Nghệ thuật trình diễn:

#### 3.a/ Hát bội, văn chương bác học:

Vào thời Lê Trịnh, Đào Duy Từ (1572 - 1634) người làng Hoa Trai, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, là con của kép hát, phải đổi sang họ Vũ của mẹ để đi thi. Ông đỗ Á nguyên, vào thi Hội xong, chờ xướng danh, nhưng bị phát giác, bộ Lễ rút lại văn bằng và lột áo mào cân đai [27]. Ông phần uất, vào xứ Đàng Trong theo Chúa Nguyễn, lập nghiệp tại phủ Hoài Nhơn, nay là tỉnh Bình Định. Ông nhận thấy giọng âm của người Bình Định vừa đủ cao, mới là nơi có nhiều triển vọng với Hát tuồng; chỉ cần điều chỉnh điệu hát cho hợp với giọng địa phương, thì bộ môn nghệ thuật này đã tìm được đất sống để phát triển tới tuyệt đỉnh. Vì thế, miền đất Hoài Nhơn trở thành chiếc nôi của nền Hát bội. Và Đào Duy Từ, chính là người khai sinh Hát bội Xứ Đàng Trong, được người đời tôn là bậc Tiền Hiền, còn Đào Tấn là Hậu Hiền vì đã phục hưng bộ môn nghệ thuật này.

Vậy, Hát bội là gì?

Hát bội là bộ môn ca nhạc kịch cổ truyền của dân tộc, viết tuồng theo lối hợp thể gồm văn vần như thơ lục bát (chính thức và biến thể), song thất lục bát, thất ngôn và ngũ ngôn tứ tuyệt (vần tron hay vần bình đối), thất ngôn và ngũ ngôn bát cú Đường luật, nói lối; văn xuôi như trong hường và kể; và thể câu đối. Đề tài tuồng thường dựa vào lịch sử, truyện tích xưa và đề cao gương trung hiếu tiết nghĩa. Cấu trúc tuồng theo bố cục cổ điển, cốt truyện diễn tiến từ Hội ngộ, rồi lưu lạc và kết cuộc là Đoàn viên, vì vậy cốt truyện bao giờ cũng có hậu.

Mô hình nghệ thuật này người Miền Bắc gọi là Hát tuồng, ở Miền Trung và Nam nói là Hát bội. Một lối hát bài bản, có lớp lang, các đào kép dùng điệu bộ đặc biệt mang tính cách tượng trưng và ước lệ để diễn tả nội dung của vở tuồng.



H 11: Một màn Hát bội có nhiều nhân vật  
diễn xuất cùng lúc. (Ảnh: [www.rfa.org](http://www.rfa.org) - Hát bội)

Về làn điệu, có thể nói, Hát bội là bộ môn nghệ thuật có nhiều giọng điệu nhất, được phân thành ba nhóm chính: Điệu hát chính, Điệu hát phụ và Điệu đặc biệt. Nhưng lấy tiêu chuẩn nào để phân biệt là giọng chính?

Xin thưa, Hát nam có 9 làn điệu, Hát khách có 6 làn điệu, Nói lối có 6 làn điệu, được xem là nhóm chủ lực trong Hát bội, vì lối hát phong phú, giá trị về văn chương, đặc sắc về nghệ thuật, giữ vai trò then chốt trong âm điệu và chiếm tỷ lệ đến 70% trong văn học tuồng.

Các giọng phụ cũng quan trọng không kém trong việc cấu trúc làn điệu trong kịch bản tuồng. Có điều, các giọng Xướng, Bạch, Ngâm, Thán, Oán, Bán Thán bán Oán, Ban, Tán, Lý được xếp vào giọng phụ, vì xuất hiện thưa thớt, hoặc chỉ được hát một lần trong lúc khai tuồng, hay văn tuồng. Dù số lượng đông đảo, có đến 3 nhóm (Giọng điệu phụ, Giọng điệu riêng, Tiếng đệm), cả thảy 18 làn điệu, nhưng các giọng này chỉ chiếm tỷ lệ 30% trong văn học tuồng.

### **3.b/ Các bộ môn nghệ thuật trình diễn dân ca:**

Ngoài ra, Bình Định còn có hát Bả trạo và Bài chòi đều mang tính nghệ thuật dân gian, nhưng Bả trạo là mô hình dân ca nghi lễ, còn Bài chòi là loại dân ca hội hè. Hát Bả trạo là màn trình diễn ca kịch, có vai tuồng, có hóa trang, có trang cụ (mái chèo, gàu tát nước...), có kịch bản hẳn hoi. Ở Bài chòi, chú Hiệu và cô Hiệu vừa là đạo diễn vừa diễn viên, nhưng không có kịch bản; vì vậy vai Hiệu phải có tài ứng xử, tùy tên những con bài rút thăm mà hô những câu thai có sẵn hay sáng tác. Nếu hát Bả trạo thể hiện tập tục và lòng tin ngưỡng của ngư dân miền biển, thì hát Bài chòi phản ánh đời sống của cư dân thôn dã yêu thích thi ca bình dân qua hình thức các con bài. Nếu hát Bả trạo rập ràng đẹp mắt bằng những tác động chèo thuyền được cách điệu hóa, thì ở Bài chòi người tham gia được thú vị ngồi trên 9 cái chòi truyền thống, vừa thưởng thức điệu hò của hiệu vừa thử thời vận hên xui vào dịp đầu năm qua cuộc chơi.



*H 12: Chòi Trung ương có treo câu đối.*

(Ảnh: *cuongde.org*, 2011)

#### 04 - Kỹ thuật kiến trúc:

Cái độc đáo của Bình Định, mà không tỉnh nào sánh được, đó là nhà lá mái. Một kiểu nhà có hai lớp mái chồng cách lên nhau. Lớp mái ngoài dốc đứng, kết lại bởi những thanh tre đặt dọc gọi là rui, đặt ngang gọi là mè; dưới có đà tre nguyên cây đặt hàng ngang, song song, cách đều, buộc dính với nhau bằng sợi mây; dưới nữa có nhiều trụ tre đập đất chống đỡ (gọi là tròng bò), trên lợp tranh hay lá dừa. Lớp mái trong có độ dốc vừa, mặt dưới lót ván hoặc sìa (tre dầm) hay khai (tre đan), mặt trên trải đất sét dày, có lớp hồ bao phủ. Dưới hai lớp mái là sườn nhà, một hệ thống giàn gỗ gồm đòn dông, đòn tay, kèo, xuyên, trính, xà, chà, cối, dầm, quyết, ngạch, ngưỡng... được ráp nối nhau bởi niêm, mộng, ngàm và không dùng đinh. Cả ba hệ thống này, chống đỡ bởi 3 đôi hàng cột bằng danh mộc đặt trên lớp đá tảng, chung quanh có vách chắn gió, dưới là nền cao tránh lụt.

Nhà lá mái có thể đứng vững trước cơn bão tố, hoặc bị nước ngập đến vách cũng không xiêu vẹo, vì có hệ thống giàn đóng liên kết đặt trên nền móng không lún. Nhờ các cánh cửa ra vào có tra cốt và khít với khung, mỗi lần mở, phát ra tiếng động nên tránh được sự đột nhập của kẻ trộm. Bên ngoài cửa có lớp chắn song che chở, nên hạn chế việc phá cửa vào cướp bóc. Lối thiết kế mang tính cách nhiệt rất tốt, mùa hạ vẫn mát mẻ, mùa đông ấm áp. Nếu bị hỏa hoạn từ bên ngoài thì chỉ cháy lớp mái tranh, nhờ có lớp mái đất che chở nên khó bắt lửa vào bên trong, đủ thời gian để dập tắt.



H 13: Nhà lá mái ông Tú Ba, thôn Tri Thiện  
xã Phước Quang, nay không còn.  
(Ảnh: tư liệu Trần gia, chụp khoảng 1960)

**05 - Đặc sản:**

Bình Định có cả miền núi, miền trung du, miền đồng bằng và miền duyên hải, nên đặc sản của tỉnh nhà rất đa dạng.

**5.a/ Chình:**

Đầm Trà Ổ có khúc sông Châu Trúc thông ra biển qua cửa Hà Ra, nơi đây có rất nhiều chình, hình dáng như con lươn nhưng to hơn nhiều và có hai cái tai. Thịt chình ở Châu Trúc ngon hơn bất cứ nơi nào.

Nói đến đặc sản Bình Định, đứng đầu danh sách là chình Châu Trúc. Theo thời giá, năm 1969, giá vàng 11.000 đồng 1 lượng, trong lúc chình Châu Trúc bán ngay tại chỗ vừa mới đánh bắt là 1500 đồng một con. Đem lên chợ Phù Mỹ bán lại với giá 2000 đồng. Lái buôn mua gom, đem vào Sài Gòn bán cho các tiệm Tàu với giá gấp hai. Người ta còn chở sang Singapore, Hồng Kông, Nhật Bản. Cùng thời điểm, tại thôn Châu Trúc xã Mỹ Đức huyện Phù Mỹ, chính quyền cho đấu giá vùng đầm, cứ mỗi đoạn bờ dài 50 mét giá 200.000 đồng và thời hạn khai thác trong một năm; trong lúc lương căn bản ngạch Phó Đốc sự hạng tư là 8.000 đồng một tháng, tức là 96.000 năm, mới thấy chình Châu Trúc là đặc sản đắt tiền.

**5.b/ Yến sào:**

Ở cuối dãy Triều Châu, tức bán đảo Phương Mai, thuộc thành phố Qui Nhơn, có mũi đá nhọn hoắt trục chỉ hướng nam đâm thẳng ra biển, oai phong như một ngọn giáo, canh chừng lối vào cửa Thị Nại. Nơi đây, xứng đáng với tên gọi là Mũi Mác, lại còn gọi là Yến Chùy vì có chim yến xây tổ. Yến sào ở Phương Mai và một số đảo nhỏ ở Phù Cát, sản lượng hàng năm là 650 kg.



H 14: Chim yến làm tổ trên vách đá. (Ảnh trên mạng)

**3.c/ Bún khô:**

Bún Song thẳng, còn gọi là Song thần hay bún An Thái, là loại bún làm bằng đậu xanh và nước sông Côn. Đặc biệt, chỉ có nước của khúc sông chảy qua

thị tứ An Thái thuộc thôn Mỹ Thạnh, xã Nhơn Phúc huyện An Nhơn là làm bún đúng chất lượng.



H 15: Thọ rê sợi bún còn ướt thành từng miếng vuông trên vỉ rồi phơi khô [28].

Muốn làm bún phải tốn nhiều đậu xanh, vì cứ 5 ký đậu mới được 1 ký bột, và phải qua hai công đoạn: từ đậu xanh ra bột có màu trắng tinh, rồi từ bột thành bún có màu trắng ngời ánh. Khi biến chế thành thức ăn (nấu canh hay chiên xào) bún dẻo dai, nhưng không kết dính và có mùi vị thơm ngon.

#### 5.d/ Nón lá:

Nón Gò Găng, là loại nón được bày bán tại chợ Gò Găng. Chợ nằm sát Quốc lộ 1, ở cây số 1202, thuộc khu vực Tiên Hội, phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn [29]. Gò Găng được nhắc đến trong câu ca dao liệt kê sản vật Bình Định:

*An Thái có bún song thân,  
Gò Găng nón lá, dĩa găng Bồng Sơn.*

Bởi đó, người ta làm tương nón lá được sản xuất nơi đây. Thật ra nón được làm ở các xã Cát Trinh, Cát Tường...huyện Phù Cát, rồi đem bán ở chợ Gò Găng hoặc chất hàng cho các phố xá ở thị tứ này. Các con buôn mua gom chở đi chào hàng ở các huyện và tỉnh khác nên quen gọi là nón Gò Găng. Để cung ứng nhu cầu của thị trường, nón Gò Găng xưa nay có 5 kiểu loại:

- Nón lá trắng, sản xuất nhiều nhất, làm bằng lá trắng, tên chữ là Bồ Qui Diệp, có hình nan quạt, mọc nhiều ở núi Kim Sơn (thuộc huyện Hoài Ân). Kiểu nón này chia làm hai loại: Nón tốt, chỉ có hai lớp lá, cộng vành nhỏ, khéo đường chỉ mũi kim, dáng thanh nhẹ, trắng mịn, xinh xắn, nhưng không được bền. Nón thường, có xen bẹ chuối khô ở giữa hai lớp lá, cộng vành lớn hơn, thô thiển nhưng chắc và bền.

- Nón ngựa, còn gọi là nón dứa vì làm bằng lá dứa, lá kè nên có màu vàng nhạt. Thực hiện nón này rất công phu, phải một tuần mới xong. Loại nón dành cho bậc quan quyền, nhà giàu có đội khi cỡi ngựa, trông rất đẹp và oai vệ vì trên chóp có gắn ngù bằng bạc. Ở các thôn Phú Gia [30], Kiều Đông (thuộc xã Cát Tường), thôn Kiều Huyền (xã Cát Trinh) chuyên làm loại nón này và là sản phẩm độc đáo của huyện Phù Cát.

- Nón trắng còn gọi là nón cời, mái nón bẹt ra, vành to để che mưa nắng, lót nhiều bẹ chuối khô giữa hai lớp lá, cộng vành lớn, nặng nhưng chắc chắn. Nón cời thích hợp cho người lao động làm việc ngoài trời.

- Nón lật, sườn đan bằng tre và giang, không lợp lá, ngoài bọc bao nhựa trong, dùng cho trẻ em đội chơi trông rất nhí nhảnh dễ thương.

- Nón dẫu, ngày xưa còn sản xuất kiểu nón có chóp nhọn, vành hẹp, gọn gàng, dành cho quân lính đội.

Ngoài ra, Bình Định còn xoài tượng Hưng Long ở Phù Mỹ và muối Thị Nại ở Qui Nhơn, đều là những đặc sản, trước kia hàng năm phải biệch nộp cho triều đình. Ca dao Bình Định còn ghi lại:

*Nón ngựa Gò Găng,  
Bún song thành An Thái,  
Lúa đậu tư Nhơn Ngãi,  
Xoài tượng chín Hưng Long.  
Mặc ai mơ táo ước hồng.  
Tình quê em giữ vững lòng trước sau.*



H 16: Nón Ngựa Gò Găng [31]

#### 5.đ/ Xoài tượng:

Bình Định có giống xoài, trái to và mập mập, được đặt tên là xoài tượng (to và ú như voi). Mỗi trái, trung bình nặng nửa ký, vỏ màu xanh, khi chín có

màu da cam sáng rõ, dày com, thịt nhiều, ít xơ, và cho vị ngọt thắm nhưng không gắt, và tỏa có vị thơm. Nhất là xoài tượng trồng tại thôn Hưng Long, nay gọi là Hưng Lạc, thuộc xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, các đặc tính ấy vượt trội hơn cả.



H 17: Xoài tượng còn ở trên cây, chưa chín [32]

#### 5.e/ Chà Viên:

Cây chà viên mọc hoang trên vùng rừng núi phía Tây tỉnh Bình Định, nhất là ở Bình Khê (nay là Tây Sơn) và An Khê (thời VNCH, thuộc tỉnh Bình Định), cho trái lớn hơn ngón tay cái, hình bầu dục, vỏ mỏng lán bóng có màu xanh như ngọc. Khi chín vẫn xanh không ngả màu, ăn cả vỏ và thịt quả, thơm mùi com nếp hương, vị ngon ngọt.

#### 06 - Ẩm thực:

Nếu trời ban cho đất Bình Định khúc sông An Thái, thuộc dòng sông Côn, làm ra đặc sản Bún song thẳng, thì ở làng Cù Lâm, mạch nước Bàu Đá, chế biến một loại rượu được liệt vào hàng quốc túy, các vùng khác không thể làm được.

#### 6.a/ Rượu Bàu Đá:

Bàu Đá là tên của một chỗ đất trũng sâu, rộng vài mẫu tây (ha), nước ngập suốt năm, xung quanh là bờ đá, tại làng Cù Lâm, xã Nhơn Lộc, thị xã An Nhơn. Nay bàu đã cạn, nhưng các mạch nước trong làng dùng vào việc ủ men, vẫn cho ra loại rượu ngon như ngày xưa lấy nước từ Bàu Đá. Bởi thế, địa danh Cù Lâm chỉ là tên hành chánh, còn người dân trong vùng, vẫn quen gọi là làng Bàu Đá.



H 18: Cổng vào xóm Tân Long, thôn Cù Lâm, xã Nhơn Lộc. (Ảnh: Trần Đình Hòa, chụp 2019)

Nhờ nguồn nước đặc biệt ấy, mới cho ra một loại rượu, cũng chỉ nấu từ gạo, nhưng lại rất ngon, vượt trội các nơi khác. Vậy, nguồn nước là yếu tố quyết định phẩm chất, nồng độ và nhất là hương vị đặc biệt không thể thay thế.

Rượu Bàu Đá trên 50 độ, rót ra ly, rượu sủi tăm vun lên rồi tan nhanh, tỏa mùi thơm, và uống có hậu vì còn kéo dài vị ngòn ngọt ở cổ. Đặc biệt, loại rượu này uống vào cũng say túy lúy như bao rượu mạnh khác, nhưng khi tỉnh lại không thấy mệt và không nhức đầu.



H 19: Lò nấu rượu Bàu Đá của Năm Phương [33].

### 6.b/ Bánh tráng Bình Định:

Tùy theo cách ẩm thực, bánh tráng có ba loại:



- Bánh chín, loại bánh tráng dày có rắc nhiều mè, đường kính chừng 40 cm, ở dạng khô cứng, khi ăn phải nướng, bánh phồng lên và chín vàng.

- Bánh sống là bánh tráng mỏng, cỡ kích như trên, cũng ở dạng khô giòn, khi ăn chỉ cần nhúng nước, bánh trở nên dẻo dai, dùng để cuốn chất độn.

- Bánh ướt, là bánh tráng mỏng, chưa phơi khô, bánh mềm nhưng không dai, và ăn lúc bánh còn tươi.

Vo gạo cho sạch cám và ngâm nước trong vài giờ, rồi xay nhuyễn thành bột nước. Nhúm lò, đun nước trong nồi sôi lên. Mọi việc chuẩn bị sẵn sàng và bắt đầu tráng bánh trước khi trời sáng, để kịp phơi bánh cho khô trong ngày.

Dùng sọ dừa làm thành cái vá có tra cán dài, múc nước bột rót đều lên mặt vải theo truyền thống “*tứ tung ngũ hoành.*” Nghĩa là di chuyển cái vá theo hình chữ W (4 sô), và hình chữ W nằm nghiêng có thêm một nét nữa (5 ngang). Rồi di chuyển cái vá theo hình xoắn ốc từ trong ra ngoài, cho nước bột tráng đều trên mặt vải. Người tráng bánh phải thành thạo và nhanh tay, thì bánh mới tráng đều và không bị sượng. Đậy nắp cho kín hơi, chừng 1 phút, bột chín, dùng chiếc đĩa dài và dẹp, mép mỏng, vớt bánh, đem máng trên những thanh tre nằm ngang tra quanh cái trụ xoay. Đợi cho bánh nguội, trải bánh trên liếp đan bằng tre, đem phơi nắng. Người ta dùng nước vo gạo phết sẵn lên tấm liếp, để khi bánh khô dễ gỡ ra khỏi vỉ.



H 20: Tráng bánh xong, đậy nắp nồi, hấp cho bột chín [34].

### 6.c/ Bánh ít lá gai:

Lá gai được tước bỏ cuống lá và gân lá, rửa sạch, luộc chín, quết nhuyễn. Trộn bột nếp, đường cát, và lá gai nhuyễn; cho vào cối quết thật nhuyễn một lần nữa. Hỗn hợp này gọi là da bánh, và vắt ra từng nắm to bằng hạt mít.

Đậu xanh ngâm nước, đãi sạch vỏ, hầm chín, xay nhuyễn, trộn đường, có nơi còn trộn chung với dừa bào thành sợi. Hỗn hợp này gọi là nhân bánh, và cũng được phân ra thành từng viên nhỏ, bằng thể tích da bánh.

Dùng tay đàn mỏng da bánh cho đủ bọc kín nhân, rồi viên tròn bằng trái chanh, thoa dầu ăn, và gói vào lá chuối cũng được thoa dầu. Vì lá chuối còn tươi, rất giòn, dễ rách, người ta phải gói bánh bằng cách xếp nóc chùa và bẻ gấp lá ở hai đầu, đặt vào chỗ hay xứng, đập nắp, đem hấp chín. Khi bánh còn nóng, lá gói mềm và dẻo, người ta tháo nóc chùa, nắn cho thân bánh thon dài, và xoắn chặt lá gói ở hai đầu, rồi xếp vào rổ thưa, bánh nguội dần trong thoáng mát.



H21: Gói Bánh ít lá gai.  
(Ảnh: Nguyễn Thị Phụng, 2018)

#### 6.d/ Nem Báy Ù Chợ Huyện:

Sở dĩ nem chợ Huyện ngon với hương vị tự nhiên, vì có thủ thuật gia truyền nên không cần hàn the và bột ngọt, vừa do yếu tố nguyên liệu. Phải chọn giống heo cỏ, chừng 7 tháng tuổi, cân nặng khoảng 60 kg. Khi xẻ thịt, chỉ lấy được chừng 15 ký thịt nạc đùi. Và thịt có màu đỏ sẫm thì nem mới ngon.

- a/ Chế biến thịt nem:

Cắt ngang só thịt thành từng lát dày 3 cm, rồi xắt nhỏ theo chiều dọc só thịt. Trải mỏng thịt trên rổ thưa cho ráo mặt, rồi bỏ vào cối đá quết nhuyễn. Muốn nem dai giòn phải quết liên tục, thời gian tàn một cây nhang, thì thịt nhuyễn đều, tiếng trong nghề gọi là “thịt chín.” Khi “thịt đã chín” trộn đều da heo xắt nhỏ như sợi bún hay xắt hạt lựu và tiêu hột vào, cũng theo phân lượng quy định.

- b/ Chế biến loại nem:

\* Nem tươi còn gọi là nem nướng, dùng để ăn liền. Trộn thêm tỏi giã nhỏ vào thịt nhuyễn làm tăng hương vị nồng nàn. Vắt thịt nem thành từng viên hình bầu dục, cỡ bằng trứng chim cút. Rồi cứ 10 viên xiên qua một que tre nhọn đầu,

gọi là lụi. Đặt lụi trên lò nướng bằng than củi, giữ than hồng vừa phải, đủ độ nóng cho nem chín từ từ.

\* Nem chua, còn gọi là nem gói, là loại nem không cần lửa mà thịt nem vẫn chín, và có thể giữ lâu không bị hủy hoại. Người ta vắt thịt quết nhuyễn thành từng viên to bằng trái chanh giã, dùng lá vông nem [35] bao lại. Có thể thay thế bằng lá ổi, nhưng nem gói lá vông cho hương vị ngon và dịu hơn. Bên ngoài, dùng hai hoặc ba lớp lá chuối mốc (còn có tên là chuối nai, trong Nam gọi chuối sứ) bọc kín, buộc chặt bằng sợi lạt tre chẻ mỏng. Sau khi gói, đặt nem nơi thoáng mát, và với nhiệt độ bình thường, chừng hơn ba ngày là nem chua, có thể ăn được.



H 22: Nem chua Bầy Ủ ở chợ Huyện, gói lá, và bóc trần [36].

## X - CON NGƯỜI BÌNH ĐỊNH

### 01 - Bản chất:

Xứ Sở Bình Định là thế, còn con người ở Miền Đất Võ Trời Văn thì sao?

*Đại Nam Nhất Thống Chí*, nhận xét về phong tục của người Bình Định, đã chép: “Học trò chăm học, nhân dân siêng cày, dệt; tính tình trầm tĩnh, dũng cảm, thích việc nghĩa; buôn bán và kỹ nghệ chỉ được độ hai, ba phần mười...Gặp việc đám cưới hay đám tang, thì giúp đỡ lẫn nhau... Đồ mặc, đồ dùng thì giản dị mộc mạc, không ưa văn hoa. Ngày rảnh việc, thì hay bày hát tuồng, đi lại thù tạc thì hay đòi tiên, đại khái hay lãng phí.” [37]

*Non Nước Bình Định*, trong mục Phong hóa, Quách Tấn, cũng đã viết:

“Người Bình Định phần đông, tánh tình chất phát, đôn hậu, chuộng khí tiết, trọng nhân nghĩa. Ngoài xã hội, lấy trung tín làm gốc. Trong gia đình, lấy hiếu thuận làm nền.

*“Chẳng những hàng sĩ phu mới lo sửa mình rèn đức. Đạo lý cổ truyền thấm nhuần khắp các tầng lớp nhân dân, và thể hiện một cách tự nhiên nơi ngôn ngữ, nơi hành động, biểu lộ một cách hồn nhiên trong những lời tục ngữ ca dao.*

*“Dù cho đất đổi trời thay,  
Trăm năm giữ một lòng ngay với đời.” [38]*

## 02 - Nếp sống:

Những nhận xét trên được thể hiện qua những sự kiện dưới đây, từ mọi giới:

- Năm Giáp Ngọ (1774), tướng Trịnh là Hoàng Ngũ Phúc chiếm Phú Xuân, năm sau tiến quân vào Quảng Nam. Quan Tham tán Nguyễn Đăng Trường theo chúa Duệ Tông Nguyễn Phúc Thuần vượt biển vào Gia Định. Chẳng may, gặp lúc sóng to gió lớn, thuyền trôi dạt vào Qui Nhơn, Đăng Trường bị quân Tây Sơn bắt được. Nguyễn Huệ vốn quý người tài đức, đãi theo lễ tân su (bậc khách và bậc thầy), song Đăng Trường vẫn từ tạ xin đi.

Nguyễn Huệ nói: *“Tiên sinh đi chuyến này, phỏng xoay lại trời đất được không? Sau có ăn năn, e muộn rồi!”*

Đăng Trường đáp: *“Tài trai ở đời, lấy trung hiếu làm đầu. Tôi nay dất mẹ, tìm Chúa, đôi với đại nghĩa, rất là quang minh. Còn cùng hay thông, được hay hỏng, là số mệnh chứ còn ăn năn gì.”* Nguyễn Huệ cảm lời khẳng khái, trọng người trung nghĩa, không nỡ giết, đành để cho đi [39].

- Năm Kỷ Mùi (1799), Nguyễn Vương chiếm thành Qui Nhơn, đổi tên là Bình Định, giao cho Võ Tánh và Ngô Tùng Châu trấn thủ. Trần Quang Diệu cùng với Võ Văn Dũng vây thành rất ngặt, Nguyễn Vương không sao giải cứu được. Đến năm 1801, trong thành cạn hết lương thực, không thể chống giữ được nữa. Võ Tánh sai người đưa thư cho Trần Quang Diệu, nói rằng: *“Phận sự ta làm chủ tướng, đành liều chết ở dưới cờ. Còn các tướng sĩ không có tội gì, không nên giết hại.”* Đoạn ông tự thiêu ở lầu bát giác. Còn Hiệp trấn Ngô Tùng Châu uống thuốc độc tự tử. Trần Quang Diệu vào chiếm thành, tha cho tất cả tướng sĩ của đối phương, và sai làm lễ mai táng rất trọng thể cho hai vị trung thần tử tiết [40]. Nếu không có văn hóa thượng võ và bao dung thì làm sao có được lòng cao thượng đến như vậy đối với kẻ thù. Đó là chuyện các bậc vương tướng, còn lớp bình dân thì sao?

- Nhà sư Bửu Thắng, trông tấm thân mảnh mai, tướng chừng gió thổi ngã, gặp vũng nước cũng vén quần xách dép lội qua. Ai ngờ, trong con người ấy có một đường roi chiến (trung bình tiên) khốc liệt, cuốn người như bão táp mưa sa. Sá gì một cú nhảy xa gấp ba lần vũng nước vừa mới lội qua [41a].

- Ông Bảy Tòng râu tóc bạc phơ, thân thể tráng kiện là kết quả của quá trình tập luyện. Nhưng trước mặt mọi người, ông vẫn khiêm tốn, không bao giờ nhận mình là thầy võ, dù học trò của ông đều là những võ sĩ nổi tiếng [41b].

- Vói Thanh Tùng, lại càng kín đáo lạ thường. Cô ngoan hiền về nhà chồng như bao cô gái Bình Định khác. Ngày ngày, cô chăm chỉ bên chiếc máy may, nhỏ nhẹ vói khách hàng. Trông dáng dấp liễu yếu đào tơ, không ai thấy ở Thanh Tùng một dấu vết gì về võ nghệ, đã một thời nổi tiếng biểu diễn quyền, roi ở điện thờ Quang Trung với biệt danh “Hổ Cái Miền Trung.” Đừng lầm! Khi cần tự vệ, “con người võ” của Thanh Tùng vụt dậy. Đôi mắt hiền lành bỗng rực sáng như gươm bén, và đôi tay mềm mại biến thành thanh sắt [41c].

Thật vậy, người Bình Định bản chất thật thà, trầm tĩnh, kín đáo, lẩn chút rụt rè, nhưng cũng rất cương quyết. Vói tha nhân, người Bình Định quý trọng nghĩa, trọng tài đức. Và những đặc tính trên, đã để lại dấu ấn văn hóa trong sinh hoạt và cuộc sống của người dân Bình Định từ Võ học, Văn học, Văn chương, Kiến trúc, Đặc sản, Ẩm thực, đến Lễ hội và cả Nghệ thuật trình diễn.

## VI - GIỌNG NÓI BÌNH ĐỊNH

Dẫn chứng từ điều kiện phong thổ và hoàn cảnh lịch sử đưa đến hình thành giọng nói đặc trưng của Bình Định.



*H 23: Thuyết trình Đề tài “Giọng Bình Định” trong “Hội Nghị Quốc Tế về Tiếng Việt: Lịch Sử và Giảng Dạy” tại Viện Việt Học ở Westminster ngày 7- 7- 2007.*

### 01 - Thổ ngữ:

Giải thích và dẫn chứng qua văn liệu, 56 thổ ngữ tiêu biểu, đơn cử có: beng (so sánh), chệ (mà), dẫy na (vậy hả), dẹ (góm), hừ (ngươi), na (sao), nậu (dùng gọi nhóm người cùng hoàn cảnh, chỗ ở, sinh hoạt, nghề nghiệp), nẫu (dùng cả 3 ngôi: ta, mày, nó), óng (xa quá), ờ hé (vậy à), quá (như, bằng), quải (cúng giỗ), rội (thêm vào), vời (biển khơi)...

Ngoài ra, còn 16 thổ ngữ theo đà Nam tiến, từ Bắc vào Bình Định, đơn cử có: ghè (lu nhỏ), té ra (thì ra)...; và từ Bình Định vào Nam, đơn cử có: bậu (em, nàng), qua (tôi, tao), cón (con vợ mày), thẳng (thằng chồng mày)...

## 02 - Thổ âm:

Diễn tả giọng nói qua sự nhận xét trình bày và phân tích.

- Phát âm sai ở các vần: "Ôi" thành "âu," "Oa" thành "a," "Oe" thành "e," "Om và Ơm" thành "ôm," "Ưoi" thành "ư," "Ếp" thành "íp," "Ơi" thành "quoi" ; phụ âm khởi đầu "V và D" thành "gi," "Ngoại" thành "quại."

- Phát âm biến giọng ở các vần: "A" thành "ea," "Ăn" thành "en," "Ảy" thành "ẻ." Ngoài ra, ở miền núi phát âm "oi" cộc và ngắn, ở miền biển vài nơi lại phát âm chả chót.

- Phát âm lẫn lộn: phát âm không phân biệt phụ âm đầu D và G, các phụ âm cuối C và T, CH và T, N và NG, N và NH; không phân biệt các vần nguyên âm như IU với IÊU, UI với UÔI.

## 03 - Lối nói Bình Định:

Trình bày, phân tích, giải thích ba lối nói của Bình Định vừa độc đáo, ý nhị, ví von.

-Nói ví: Ngang quá ông Chàng, Ông xã Bình Thái lại nôi canh, Tướng Rái,...

-Nói lóng: Sáng sấn nay nân chúng chấn ta tân đi đân phố phấn.

-Nói lái, so sánh hai lối nói: Ở Bình Định: "Lọ tương" lái thành "Lượng to"  
Ở Miền Bắc: "Lọ tương" lái thành "Tượng lo"

## 04 - Nguồn gốc giọng nói:

Dùng hoàn cảnh lịch sử và địa lý nhân văn qua hai cuộc di cư vào miền Bắc Vijaya để lý giải. Lần 1, sau năm 1471, là cuộc di cư đại quy mô dưới thời vua Lê Thánh Tông. Lần 2 là tháp cư, vào tháng giêng năm Mậu Tý (1648), quân Trịnh Nguyễn giao tranh lần thứ tư, quân Nguyễn đại thắng bắt sống khoảng 3000 tù binh [42]. Chúa Nguyễn đem số tù binh này phân tán mỏng trong các làng mạc từ Quảng Nam đến Phú Yên [43]. Thêm vào đấy người Champa còn ở lại trên đất Bình Định khá đông.

Vì thế, cư dân sống ở phủ Hoài Nhơn không thuần nhất miền nào mà pha trộn giọng Bắc, giọng Trung của dân các tỉnh ở xứ Đàng Ngoài và giọng Chăm, dân bản địa nói tiếng Việt. Những yếu tố trên kết hợp vào nhau, rồi trải qua quá trình biến chuyển dần bởi phong thổ của miền đất mà hình thành giọng nói riêng của dân Bình Định.

## 05 - Đặc điểm giọng nói:

- Xét về cấu trúc ngôn ngữ qua nguồn gốc, nhóm tiếng, âm tiết và thanh điệu.

- Về ngữ học: Giọng Bình Định buồn tẻ, lại có phần cứng và nặng, vì lười phát âm trọn tiếng và ít chú ý đến sắc âm. Nhưng tiếng nói Bình Định sang sảng, phát âm rõ ràng L với N, S với X, trong lúc một số miền không thể phát âm đúng.

#### 06 - Tầm ảnh hưởng:

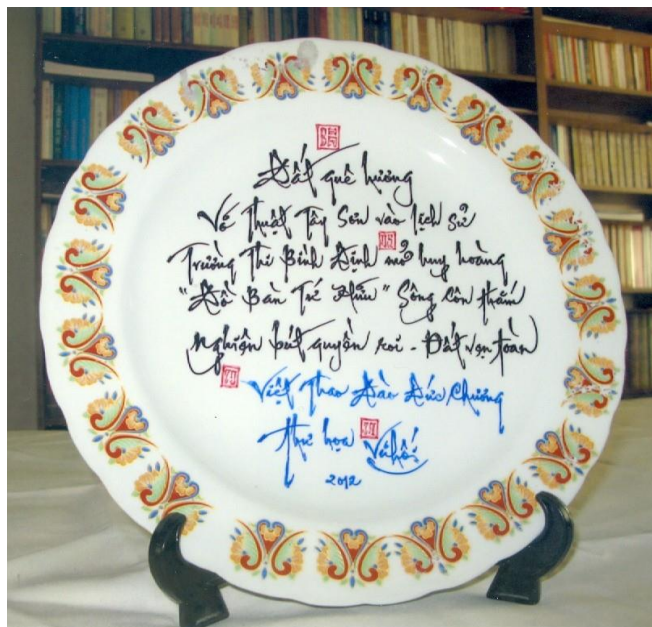
Dẫn chứng sự liên hệ ít nhiều về thổ âm và thổ ngữ đến các tỉnh phía Nam (bên kia đèo Cù Mông) qua cuộc Nam Tiến.

#### 07 - Vai trò giọng nói

Bình Định nằm giữa và tương đối cách đều hai đầu của nước ta. Bình Định là nơi đón nhận dân định cư Miền Bắc và Bắc Trung Việt (thời Lê Thánh Tông), và cũng là nơi tuyến đầu của cuộc Nam Tiến (thời Chúa Nguyễn). Vì vậy giọng nói Bình Định mang vai trò gạch nối giữa giọng Bắc, Trung, Nam.

### VII - ĐÚC KẾT BÌNH ĐỊNH TỔNG QUAN

Tóm lại, Bình Định là cửa ngõ thông với Tây Nguyên và Miền Lào qua Quốc lộ 19, còn là đốt xương sống nối liền Nam Bắc bằng Quốc lộ 1 và đường sắt xuyên Việt. Hơn nữa, có cảng Qui Nhơn là cửa ngõ Quốc tế thông ra biển Thái Bình Dương.



H 24: Đất Quê Hương. Thơ Việt Thao, thư họa Vũ Hồi.

Bình Định có đủ các thế đất từ miền núi, trung du đến đồng bằng ven biển, có hải đảo và biển Đông, có kinh đô Đò Bàn và thành Hoàng Đế, có Quốc sư Lộc Khê Hầu (thời Chúa Nguyễn), và quân sư Trương Văn Hiến (thời Tây Sơn), có trường thi Hương văn Hương võ, có thiên tài quân sự nổi tiếng dẹp nội loạn trừ ngoại xâm (Quang Trung), có võ Tây Sơn được đưa vào Quốc phòng, có danh nhân văn hóa (Đào Tấn), có hải cảng tốt (cửa Thị Nại), có phi trường lớn (ở Phù Cát), có cả đường bộ, đường biển, đường sông, có đủ tài nguyên khoáng, lâm, thổ, hải sản.

Vậy, có thể nói Bình Định là một Quốc gia thu nhỏ vì đủ yếu tố cần có của một nước hùng mạnh. Và Con Người ấy, Xứ Sở ấy, đã gói ghém qua bài thơ thất ngôn tứ tuyệt *Đất Quê Hương*.

San Jose, ngày 15- 02- 2022,  
(Rằm Tháng Giêng năm Nhâm Dần)  
**ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG**

### GHI CHÚ

[1] Nguyên xã Phước Mỹ thuộc huyện Tuy Phước, được sáp nhập vào thành phố Qui Nhơn từ năm 2006.

[2] Quốc Sử Quán Triều Nguyễn; *Đại Nam Nhất Thống Chí*, Quyển IX, bản dịch của Phạm Trọng Điềm, Tập 3 (Huế, nxb Thuận Hóa, 1992); trang 6, 7.

[3] Việt Thường, viết theo chữ Nho, có ba dạng tự: “越裳” thuộc bộ “y” (衣), “越常” thuộc bộ “cân” (巾), “越嘗” thuộc bộ “khẩu” (口). Chúng tôi theo dạng tự của Trần Trọng Kim tác giả *Việt Nam Sử Lược*, trang 24, viết là “越裳.”

[4] Thuộc (屬) là đơn vị hành chính cấp cơ sở, dưới cấp huyện và trên cấp xã ấp. Thuộc tương đương cấp tổng và gồm nhiều ấp hợp lại. Dưới thời chúa Nguyễn, những vùng đất mới khai phá, ở nơi gần núi hay ven biển, của các tỉnh miền Nam Trung phần, đều lập làm thuộc. Thời ấy, phủ Qui Ninh có 13 thuộc (Quốc Sử Quán Triều Nguyễn; *Đại Nam Thực Lục Tiên Biên*, Quyển IX; bản dịch, tái bản lần thứ nhất, Tập 1; trang 140). Dưới thời Gia Long (1802 - 1819) và đầu đời Minh Mạng, vẫn còn dùng đơn vị hành chính này. Năm 1832, Minh Mạng đổi “thuộc” thành “tổng.”

[5] Trang (莊) là đơn vị hành chính cấp thấp nhất, tương đương với ấp và thôn, nhưng chỉ dành để gọi những nơi mới khai khẩn.



[6] Thành lập huyện Bình Khê: theo *Đại Nam Thực Lục Chính Biên*, *Đệ Lục kỷ*, Quyển XI; bản dịch, Tập 9, Nguyễn Ngọc Tinh & 2 tkg dịch, Nguyễn Mạnh Duân & Nguyễn Trọng Hân hiệu đính, trang 436.

[7] Địa bạ đời Gia Long, 1815, trang 210, chép “Thượng Lộc Tứ Chánh khách hộ ấp” (上祿四政客戶邑); Địa bạ đời Minh Mạng, 1839, trang 568, chép là thôn Chánh Lộc (政祿村), *Đồng Khánh Địa Dư Chí*, 1887 tỉnh Bình Định, tờ 51a, dòng 14, chép là thôn Chánh Thành (政成村). Vậy, sau năm 1839, địa danh “Chánh Lộc” được cải đổi là “Chánh Thành.” Theo Đỗ Bang, *Lịch Sử Thành Phố Qui Nhơn* (nxb Thuận Hóa, 1998), trang 102, cũng xác định “Làng Chánh Thành xuất hiện trong khoảng thời gian trước thời Tự Đức, có thể giới hạn ở hai thời điểm 1839 - 1843, tức vào cuối thời Minh Mạng và đầu triều vua Thiệu Trị.”

[8, 9] Nguyễn Đình Đầu; *Nghiên Cứu Địa Bạ Triều Nguyễn - Bình Định I* (Sài Gòn, nxb TP/HCM, 1996); trang 128 - 130.

[10, 11, 12] Nguyễn Đình Đầu trích, sđd., trang 131.

[13] Sắc lệnh số 63-NV của Tổng Thống VNCH, ngày 13- 3- 1959, thành lập quận mới và sát nhập vào tỉnh Bình Định: lấy 3 xã nguyên thuộc tỉnh Kon Tum là K.Gol, Kon Pong, Kon Vong; và toàn quận Tân An (nguyên thuộc tỉnh Pleiku) để thành lập quận An Túc, đặt quận lỵ tại An Khê.

[14] Tỉnh Bình Định gồm 160 xã trong đó có 87 xã (chiếm tỷ lệ 54, 375%) được kiểm kê dân số và có đến 73 xã (chiếm tỷ lệ 45,625%) vì mất an ninh không tiến hành kiểm kê dân số được.

[15] Tam Quan, năm 1471 là làng, năm 1945 là xã, và ngày 18- 9- 1968 là quận Tam Quan gồm 6 xã của quận Hoài Nhơn tách ra: xã Tam Quan, Đức Hựu, Hoài Châu, Hoài Hảo, Hoài Sơn, Hoài Thanh. Quận lỵ đặt tại xã Tam Quan. (Nghị định số 999- ND/NV của Thủ Tướng VCVH).

[16, 17, 18] Nguyễn Quang Ân; *Việt Nam Những Thay Đổi Địa Danh Và Địa Giới Các Đơn Vị Hành Chính 1945 - 1997* (Hà Nội, nxb Văn Hóa Thông Tin, Hà Nội, 1997); 311 & 312, 423 & 424, 500.

[19, 20] Qui Nhơn thành phố Loại II, rồi lên Loại I: Vi.wikipedia.org - Bình Định.

[21, 22] Hai huyện An Nhơn và Hoài Nhơn được nâng lên thành thị xã: Vi.wikipedia.org - Bình Định.

[23] Số liệu thống kê về diện tích, dân số và mật độ người/km, theo VinaBeez - Bản đồ Bình Định.

[24] Nguồn: Galaxylands.com.vn - Bản đồ Hành chánh tỉnh Bình Định 2020.

[25] Khu vực là đơn vị hành chánh đồng cấp với thôn, nhưng lại trực thuộc phường, trong lúc thôn lại trực thuộc xã.

[26] Làng Hưng Lương, Xương Lý trước năm 1945 thuộc tổng Chánh Lộc huyện Phù Cát tỉnh Bình Định, sau năm 1945 lập thành xã Cát Xương huyện Phù Cát, năm 1949 sát nhập vào xã Phước Hòa huyện Tuy Phước, năm 1961 tách ra lập xã Phước Lý, sau năm 1975 đổi tên là Nhơn Lý và chia thành 4 thôn Lý Hưng, Lý Lương, Lý Chánh, Lý Hòa thuộc xã ngoại thành của Qui Nhơn.

[27] Đỗ Bằng Đoàn và Đỗ Trọng Huề; *Việt Nam Ca Trù Biên Khảo* (Sài Gòn, nhà in Văn Khoa, 1962), trang 195 - 196.

[28] Hình 15: *Thọ rê sợi bún còn ướt trên vỉ*. Ảnh, sưu tầm trên mạng.

[29] Gò Găng là một thị tứ, xưa thuộc huyện Phù Cát, nay thuộc khu vực (thôn) Tiên Hội, phường Nhơn Thành. Có nhiều sách đã lầm cho rằng Gò Găng ở thôn Châu Thành, phường Nhơn Thành. Từ Gò Găng cách nơi làm nón chừng 5 km, đi về hướng Đông Bắc.

[30] Thôn Phú Gia: Quách Tấn; *Nước Non Bình Định* (Sài Gòn, nxb Nam Cường, 1967); trang 399, chép: “Nón ngựa làm ở Kiều Đông, Phú Đa (Gò Cũ) thuộc quận Phù Cát.” Đúng là thôn Phú Gia, xã Cát Tường, huyện Phù Cát, nhưng lại viết lầm là Phú Đa thuộc xã Nhơn An, thị xã An Nhơn.

[31, 32] Hình 16: Nón ngựa, Hình 17: Xoài tượng. Hai ảnh sưu tầm trên mạng.

[33, 34, 36] Hình 19: Lò nấu rượu, Hình 20: Lò Bánh tráng, Hình 22: Nem chua Báy Ủ. Ba ảnh sưu tầm trên mạng.

[35] Vòng nem còn gọi là cây vòng, tên chữ là Hải đồng bì, Thích đồng bì. Tên khoa học *Erythrina indica* Lamk, thuộc họ Cánh bướm (Papilionaceae), và khác xa với vòng đồng, thuộc họ Đại kích (Euphorbiaceae). Cây vòng nem cao từ 10 - 20 m, lá màu xanh và bóng, dài 20 - 30 cm, gồm 3 chét. Lá chét giữa phình chiều ngang, ngắn chiều dài. Hai lá chét hai bên lại có chiều dài lớn hơn chiều rộng. Trong Đông y, lá vòng nem có tác dụng ức chế hệ thần kinh, làm an thần, chữa bệnh mất ngủ. Trong ẩm thực, người ta dùng lá vòng để gói nem.

[37] Quốc Sử Quán Triều Nguyễn; *Đại Nam Nhất Thống Chí*, Quyển IX; bản dịch của Phạm Trọng Điềm, Tập 3 (Huế, nxb Thuận Hóa, 1992); trang 13 - 14.

[38] Quách Tấn, *Non Nước Bình Định*, trang 409.

[39] Hoa Bằng; *Quang Trung Nguyễn Huệ* (Glendale CA, Đại Nam tái bản, không đề năm); trang 273.

[40] Trần Trọng Kim; *Việt Nam Sử Lược*, in lần thứ bảy (Sài Gòn, nxb Tân Việt, 1964); trang 402.

[41a,b,c] Đào Đức Chương; *Chuyện Làng Võ*; “Nguyệt San Làng Văn” (Toronto, Canada) số 159, tháng 11 năm 1997; trang 48 - 55.

[23] Quốc Sử Quán Triều Nguyễn; *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục*, Bản dịch, Tập hai (Hà Nội, nxb Giáo Dục, 1999); trang 260.

[43] Phan Khoang; *Việt Sử: Xứ Đàng Trong 1558 - 1777* (Sài Gòn, Khai Trí xuất bản, 1969); trang 333.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 01/ BÙI VĂN LĂNG; *Địa Dư Mông Học Tỉnh Bình Định*, in lần thứ nhì; Imprimerie de Qui Nhon, 1935.
- 02/ CAO XUÂN DỤC; *Quốc Triều Hương Khoa Lục*, Nguyễn Thúy Nga và Nguyễn Thị Lâm dịch; Sài Gòn, nxb TP/ HCM, 1993.
- 03/ . . . . . ; *Quốc Triều Khoa Bảng Lục*, Lê Mạnh Liêu dịch; Sài Gòn, nxb Văn Học (chi nhánh phía Nam), 2001.
- 04/ ĐÀO ĐỨC CHUÔNG; *Chuyện Làng Võ*; “Nguyệt San Làng Văn” (Toronto, Canada) số 159, tháng 11- 1997; trang 48 - 55.
- 05/ ĐỖ BẢNG ĐOÀN và ĐỖ TRỌNG HUỆ; *Việt Nam Ca Trù Biên Khảo*; Sài Gòn, nhà in Văn Khoa, 1962.
- 06/ GOOGLE, Vi.wikipedia: Sưu tầm hình minh họa trên mạng.
- 07/ HOA BẰNG; *Quang Trung Nguyễn Huệ - Anh Hùng Dân Tộc 1788- 1792* (Hà Nội, nxb Tri Tân, MCMXLIV 1944); Glendale CA, Đại Nam tái bản, không ghi năm.
- 08/ HOÀNG CHUÔNG - NGUYỄN CỐ; *Bài Chòi Dân Ca Bình Định*; Không đề nơi, nxb Sân Khấu, 1997.
- 09/ NGÔ ĐỨC THỌ; *Các Nhà Khoa Bảng Việt Nam 1075 - 1919*; Hà Nội, nxb Văn Học, 1993.
- 10/ NGUYỄN ĐÌNH ĐẦU; *Nghiên Cứu Địa Bạ Triều Nguyễn – Bình Định I, II, III*; Sài Gòn, nxb TP/HCM, 1996.
- 11/ NGUYỄN HẠNH Chủ biên; *Toàn Cảnh Việt Nam*; không đề nơi, nxb Thống Kê, 1997.
- 12/ NGUYỄN QUANG ÂN; *Việt Nam, Những Thay Đổi Địa Danh Và Địa Giới Các Đơn Vị Hành Chánh, 1945 - 1997*; Hà Nội, nxb Văn Hóa Thông Tin, 1997.
- 13/ PHAN KHOANG; *Việt Sử: Xứ Đàng Trong 1558 - 1777*; Sài Gòn, Khai Trí xuất bản, 1969.
- 14/ QUÁCH TẤN; *Nước Non Bình Định*; Sài Gòn, nxb Nam Cường, 1967.
- 15/ QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN; *Đại Nam Nhất Thống Chí*, Quyển IX, bản dịch của Phạm Trọng Điềm, Tập 3; Huế, nxb Thuận Hóa, 1992.
- 16/ . . . . . ; *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục*, Bản dịch, Tập hai; Hà Nội, nxb Giáo Dục, 1999.
- 17/ TÀI LIỆU; *Đồng Khánh, Địa Dư Chí (同慶地輿誌)*; ấn bản PDF.
- 18/ TÒA HÀNH CHÁNH TỈNH BÌNH ĐỊNH; *Địa Phương Chí Tỉnh Bình Định*; Qui Nhon, Tòa Hành Chánh Tỉnh Bình Định ấn hành, 1966.

19/ TRẦN TRỌNG KIM; *Việt Nam Sử Lược*, in lần thứ bảy; Sài Gòn, nxb Tân Việt, 1964.

20/ VŨ MỸ CHÂU và nhiều tgk.; *Nước Tôi Dân Tôi*, tái bản lần thứ nhất; San Jose CA, Cơ sở Đông Tiến xb., 1992.

## MỤC LỤC

<b>Lời Dẫn Nhập</b>	. . . . .	01
<b>I - ĐỊA LÝ THIÊN NHIÊN</b>	. . . . .	02
<b>01 - Thế đất và núi non</b>	. . . . .	02
1.a/ Vùng núi	. . . . .	02
1.b/ Vùng trung du	. . . . .	02
1.c/ Vùng duyên hải	. . . . .	02
<i>H 1: Núi đá Phương Mai ở xã Nhơn Hải, Qui Nhơn</i>	. . . . .	03
<b>02 - Sông ngòi</b>	. . . . .	03
2.a/ Sông La Tinh.	. . . . .	03
<i>H 2: Vùng hạ lưu sông La Tinh</i>	. . . . .	03
2.b/ Lại Giang	. . . . .	03
<i>H 3: Guồng Xe nước trên sông Lại Dương</i>	. . . . .	04
2.c/ Côn Giang	. . . . .	04
<i>H 4: Sông Côn mùa cạn, đoạn An Vinh, An Thái</i>	. . . . .	05
2.d/ Sông Hà Thanh	. . . . .	05
<i>H 5: Sông Hà Thanh, đoạn chảy qua Cầu Đôi, Qui Nhơn</i>	. . . . .	05
<b>03 - Bờ biển và hải đảo</b>	. . . . .	06
3.a/ Tại Phù Mỹ	. . . . .	06
3.b/ Vùng biển Qui Nhơn	. . . . .	06
<b>04 - Giá trị phong thủy</b>	. . . . .	06
4.a/ Phong thủy tổng thể	. . . . .	06
4.b/ Ở huyện Tây Sơn	. . . . .	06
4.c/ Ở thị xã An Nhơn	. . . . .	07
4.d/ Ở bán đảo Phương Mai	. . . . .	07
4.đ/ Ở cửa biển Qui Nhơn	. . . . .	07
<i>H 6: Cửa biển Qui Nhơn, cuộc đất "Thủy khâu giao nha."</i>	. . . . .	07
<b>II - ĐỊA LỊCH SỬ VÀ ĐỊA HÀNH CHÁNH</b>	. . . . .	08
- Thời Tần - Thời Tây Hán - Thời Đông Hán - Thời Tùy	. . . . .	08
- Cuối thế kỷ thứ X - Năm 1470 - Từ năm 1471 - Năm 1602	. . . . .	08
- Năm 1651 - Năm 1742 - Năm 1799 - Năm 1808 - Năm 1832	. . . . .	09

<i>H 7: Bình Định Toàn Đồ, vẽ sau năm 1832</i>	10
- Năm 1888 - Ngày 20/10/1898 - Năm 1906	10
- Năm 1910 - Năm 1915 - Năm 1930 - Năm 1935.	11
- Năm 1943 - Năm 1946 - Năm 1948 - Từ năm 1955	11
- Từ tháng 2/1976 - Ngày 24/8/1981 - Ngày 3/7/1986	12
- Ngày 4/7/1998 - Ngày 28/11/2011 - Ngày 22/4/2020	12
- Năm 2022 - Bảng Thống kê	13
<i>H 8: Bản đồ Hành chính tỉnh Bình Định</i>	16
III - VĂN HỌC BÌNH ĐỊNH	17
03 - Khoa bảng thời Nho học	17
01 - Văn thi nhân.	18
03 - Hội thơ	19
04 - Thi ca bình dân	19
2.a/ Ca dao	19
2.b/ Tục ngữ	19
2.c/ Vè	20
2.d/ Câu đố	20
2.đ/ Câu thai	20
2,e/ Hát ru	20
2.g/ Hát đối đáp	21
2.h/ Hò	21
2.i/ Lý	21
2.k/ Sắc bùa	21
IV - VĂN HÓA BÌNH ĐỊNH	21
01 - Lễ hội truyền thống	21
<i>H 9: Đoàn người kéo về Lễ Hội Đống Đa năm 1972, tại Kiên Mỹ</i>	22
02 - Võ học	22
<i>H 10: Biểu diễn trống trận Tây Sơn, Hội Bình Định Bắc Cali</i>	23
03 - Nghệ thuật trình diễn	24
3.a/ Hát bội, văn chương bác học	24
<i>H 11: Một màn Hát bội có nhiều nhân vật diễn xuất cùng lúc</i>	24
3.b/ Các bộ môn nghệ thuật trình diễn dân ca	25
<i>H 12: Chòi Trung ương có treo câu đối</i>	25
04 - Kỹ thuật Kiến trúc	26
<i>H 13: Nhà lá mái ông Tú Ba, thôn Tri Thiện xã Phước Quang</i>	26
05 - Đặc sản	27
5.a/ Chình Châu Trúc	27
5.b/ Yến sào	27

H 14: Chim yến làm tổ trên vách đá . . . . .	27
5.c/ Bún khô . . . . .	27
H 14: Thọ rêu sợi bún uớt thành từng miếng vuông trên vỉ rồi phơi khô	28
5.d/Nón lá . . . . .	28
H 15: Nón Ngựa Gò Găng . . . . .	29
5.đ/Xoài tượng . . . . .	29
H 16: Xoài tượng còn ở trên cây, chưa chín . . . . .	30
5.e/ Chà viên . . . . .	30
<b>06 - Ẩm thực</b> . . . . .	30
6.a/ Rượu Bàu Đá . . . . .	30
H 17: Cổng vào xóm Tân Long, thôn Cù Lâm, xã Nhơn Lộc . . . . .	31
H 18: Lò nấu rượu Bàu Đá của Năm Phương . . . . .	31
6.b/ Bánh tráng Bình Định . . . . .	31
H 19: Tráng bánh xong, đập nắp nồi, hấp cho bột chín . . . . .	32
6.c/ Bánh ít lá gai . . . . .	32
H 20: Gói Bánh ít lá gai . . . . .	33
6.d/ Nem Bày Ủ Chợ Huyện . . . . .	33
- a/ Chế biến thịt nem . . . . .	33
- b/ Chế biến loại nem . . . . .	33
* Nem tươi . . . . .	33
* Nem chua . . . . .	34
H 21: Nem chua Bày Ủ ở chợ Huyện, gói lá, và bóc trần . . . . .	34
V - CON NGƯỜI VÀ NẾP SỐNG BÌNH ĐỊNH . . . . .	34
01 - Bản chất . . . . .	34
02 - Nếp sống . . . . .	35
VI - GIỌNG NÓI BÌNH ĐỊNH . . . . .	36
H 22: Bài thuyết trình trong “Hội Nghị Quốc Tế về Tiếng Việt” . . . . .	36
01 - Thổ ngữ . . . . .	36
02 - Thổ âm . . . . .	37
03 - Lối nói Bình Định . . . . .	37
04 - Nguồn gốc giọng nói . . . . .	37
05 - Đặc điểm giọng nói . . . . .	37
06 - Tâm ảnh hưởng . . . . .	38
07 - Vai trò giọng nói . . . . .	38
VII - ĐÚC KẾT BÌNH ĐỊNH TỔNG QUAN . . . . .	38
H 23: Bài thơ “Đất Quê Hương” của Việt Thao qua Thư họa Vũ Hối	38
Ghi chú . . . . .	39

Tài liệu tham khảo . . . . .	42
Mục lục . . . . .	43-45